

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang không ngừng phát triển và đã có những bước tiến tốt bậc trong vài năm trở lại đây. Việc tham gia vào các tổ chức lớn giúp cho Việt Nam khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế cả về văn hoá, xã hội lẫn kinh tế, chính trị. Trong lĩnh vực kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam ngoài những cơ hội mới còn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong nước, công ty liên doanh và công ty nước ngoài. Tình thế đó đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải có những hướng kinh doanh linh hoạt để tồn tại và phát triển.

Công tác kế toán tại doanh nghiệp là một kênh cung cấp thông tin quan trọng giúp cho các nhà quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty và đưa ra các quyết định kịp thời, nhanh chóng, chính xác trong tình hình cạnh tranh hiện nay. Trong đó, việc hạch toán chính xác, đúng đắn quá trình tiêu thụ sẽ giúp các doanh nghiệp đẩy mạnh hơn nữa hoạt động quảng bá thương hiệu, điều chỉnh giá cả sản phẩm phù hợp với nhu cầu tiêu dùng mà vẫn đảm bảo được lợi nhuận, mở rộng thị phần sản phẩm và nâng cao khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải có sự quan tâm, nghiên cứu và hoàn thiện. Vì vậy, em quyết định chọn nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Tiến”.

Mục đích nghiên cứu: Nghiên cứu lý luận và thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty TNHH Ngọc Tiến.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, luận văn của em gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi

phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Tiến.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Tiến.

Với mong muốn được củng cố, hoàn thiện và ngày càng nâng cao trình độ nghiệp vụ về kế toán, em rất mong được sự xem xét, chỉ bảo, tham gia góp ý kiến của các thầy cô nhằm giúp luận văn này được tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1 Khái quát về doanh thu

1.1.1.1 Khái niệm, phân loại doanh thu

a, Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (chuẩn mực kế toán số 14).

b, Phân loại doanh thu

* *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* Là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao dịch vụ.

* *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:* Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

* *Doanh thu hoạt động tài chính:* Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

* *Thu nhập khác:* Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu và nguyên tắc hạch toán doanh thu

a, Điều kiện ghi nhận doanh thu

Việc xác định và ghi nhận doanh thu phải tuân thủ các quy định trong chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và Thu nhập khác” và các chuẩn mực kế toán có liên quan.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu phải tuân thủ nguyên tắc ghi nhận một khoản chi phí tương đương có liên quan đến việc tạo ra doanh thu đó.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và Thu nhập khác” doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá chỉ được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 5 điều kiện:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu về giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thoả mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c, Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh

thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia cho số năm cho thuê tài sản.

- Kế toán doanh thu nội bộ được thực hiện như quy định đối với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, nghĩa là chỉ phản ánh vào doanh thu nội bộ số doanh thu khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của các đơn vị thành viên cung cấp cho nhau. Doanh thu bán hàng nội bộ là cơ sở để xác định kết quả kinh doanh nội bộ của các đơn vị thành viên.

1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

- *Chiết khấu thương mại*: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- *Giảm giá hàng bán*: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất,

không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- *Hàng bán bị trả lại*: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người mua chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết, không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- *Thuế xuất khẩu*: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

- *Thuế GTGT trực tiếp*: Là loại thuế được đánh trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

$$\begin{array}{ccccccc} & & & & & \text{Thuế TTĐB,} & \\ & & & & & \text{thuế XK phải} & \\ \text{Doanh thu} & \text{DT bán} & \text{Chiết} & \text{DT BH} & \text{Giảm} & & \\ \text{BH thuần} & = & \text{hàng} & - & \text{giá hàng} & - & \\ & & & \text{khấu TM} & \text{bị trả lại} & - & \\ & & & & \text{bán} & & \text{nộp, thuế} \\ & & & & & & \text{GTGT trực tiếp} \end{array}$$

1.1.2 Khái quát về chi phí

1.1.2.1 Khái niệm, phân loại chi phí

a, Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

b, Phân loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá

vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc cho phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế,...

1.1.2.2 Nguyên tắc hạch toán chi phí

Các khoản chi phí được tập hợp để xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ kế toán của doanh nghiệp bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định của Nhà nước. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp cụ thể mà có thể mở thêm nội dung chi phí khác nhằm giúp cho nhà quản trị có thể theo dõi và kiểm tra sự phát sinh chi phí.

1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh

* ***Khái niệm:*** Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Số chênh lệch giữa doanh thu thuần

và giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế TNDN.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua doanh nghiệp lãi hay lỗ, kinh doanh hiệu quả hay chưa hiệu quả. Điều này giúp nhà quản lý đưa ra những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

**** Nguyên tắc hạch toán kết quả kinh doanh***

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác. Trên tài khoản này doanh nghiệp cần phải hạch toán đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hạch toán theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính.

- Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động như: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác. Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể được hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng loại dịch vụ,.....(nếu có nhu cầu).

- Các khoản doanh thu và thu nhập khác được kết chuyển vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

1.1.4 Ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.4.1 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trong hoạt động SXKD, các doanh nghiệp luôn quan tâm đến vấn đề lợi nhuận, làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi

nhuận và giảm thiểu hóa chi phí). Các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ chi phí, quản lý doanh thu để biết được việc kinh doanh những mặt hàng nào, lĩnh vực nào đạt hiệu quả hay chưa đạt hiệu quả. Từ đó quyết định mở rộng SXKD mặt hàng nào, lĩnh vực nào và hạn chế những mặt hàng nào để đem lại hiệu quả kinh doanh cao nhất. Bởi vậy, hệ thống kế toán nói chung, công tác kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp, ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Qua đó cung cấp thông tin cần thiết giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn nhất.

Việc tổ chức kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan thuế ... để lựa chọn phương án kinh doanh hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế tài chính, chính sách thuế.

1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp, mà kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Vì vậy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Tổ chức theo dõi phản ánh chính xác, đầy đủ kịp thời và giám sát chặt chẽ các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản làm giảm doanh thu

phát sinh trong kỳ. Và việc ghi nhận này phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

- Theo dõi, phản ánh, kiểm soát chặt chẽ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác. Ghi nhận đầy đủ kịp thời vào các khoản chi phí thu nhập của từng địa điểm kinh doanh, từng mặt hàng, từng hoạt động.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp nhà nước.

- Xác định kết quả từng hoạt động trong doanh nghiệp, phản ánh và kiểm tra, giám sát tình hình quân phối kết quả kinh doanh đơn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

- Cung cấp những thông tin kinh tế cần thiết cho các đối tượng sử dụng thông tin liên quan. Định kỳ, tiến hành phân tích kinh tế hoạt động bán hàng, hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình phân phối lợi nhuận.

1.2 KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Kế toán doanh thu, thu nhập trong doanh nghiệp

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a, Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp

- *Phương thức bán hàng trực tiếp:* Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- *Phương thức gửi hàng:* Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- *Phương thức bán thông qua đại lý:* Trong trường hợp này khi doanh

nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- *Phương thức bán hàng trả góp*: Theo phương thức này, khi xuất giao hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- *Phương thức bán hàng trả chậm*: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ.

- *Phương thức bán hàng đổi hàng*: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi} * \text{Giá bán trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

b, Chứng từ sử dụng

Doanh thu thể hiện ở việc doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó, các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02 GTKT- 3LL).
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT- 3LL).
- Hợp đồng mua bán.
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14-BH).
- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 15-BH).
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng,....
- Các chứng từ liên quan: Phiếu xuất kho, hoá đơn vận chuyển, bốc dỡ....

c, Tài khoản sử dụng:

✓ *Tài khoản 511 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ”* dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 : Doanh thu kinh doanh BĐS đầu tư

✓ *Tài khoản 512 “ Doanh thu bán hàng nội bộ ”* dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có các tài khoản cấp 2 như sau:

- TK 5121 : Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122 : Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

d, Sổ kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết bán hàng.
- Sổ chi tiết tài khoản (511, 131, 3331,...)
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản (511, 3331, 131, ...).
- Các sổ sách khác có liên quan (nếu có).

e, Phương pháp hạch toán

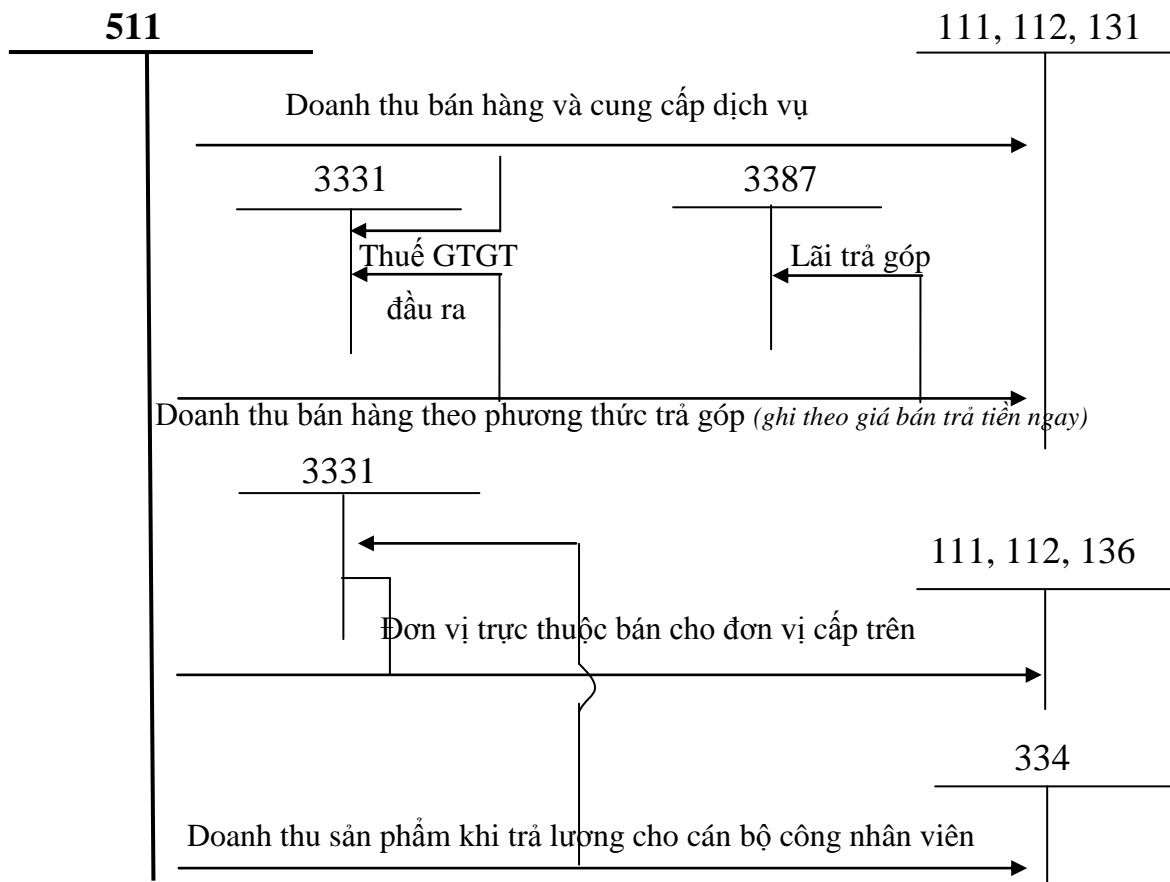
Để hạch toán kế toán quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, tùy thuộc vào đặc điểm của doanh nghiệp, yêu cầu quản lý và quy định của Nhà nước mà doanh nghiệp có thể áp dụng các phương pháp kế toán: Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ và tính thuế GTGT theo

phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp trực tiếp.

Trên thực tế hiện nay các doanh nghiệp chủ yếu áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, và sử dụng một trong hai phương pháp tính thuế GTGT : phương pháp khấu trừ thuế GTGT và phương pháp tính trực tiếp thuế GTGT.

** Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.*

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



** Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc sản xuất kinh doanh những mặt hàng không chịu thuế GTGT.*

Trong trường hợp này hạch toán tiêu thụ và ghi nhận doanh thu tương tự như trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Tuy nhiên, có một số điểm khác sau:

- Đối với mặt hàng chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trong giá bán

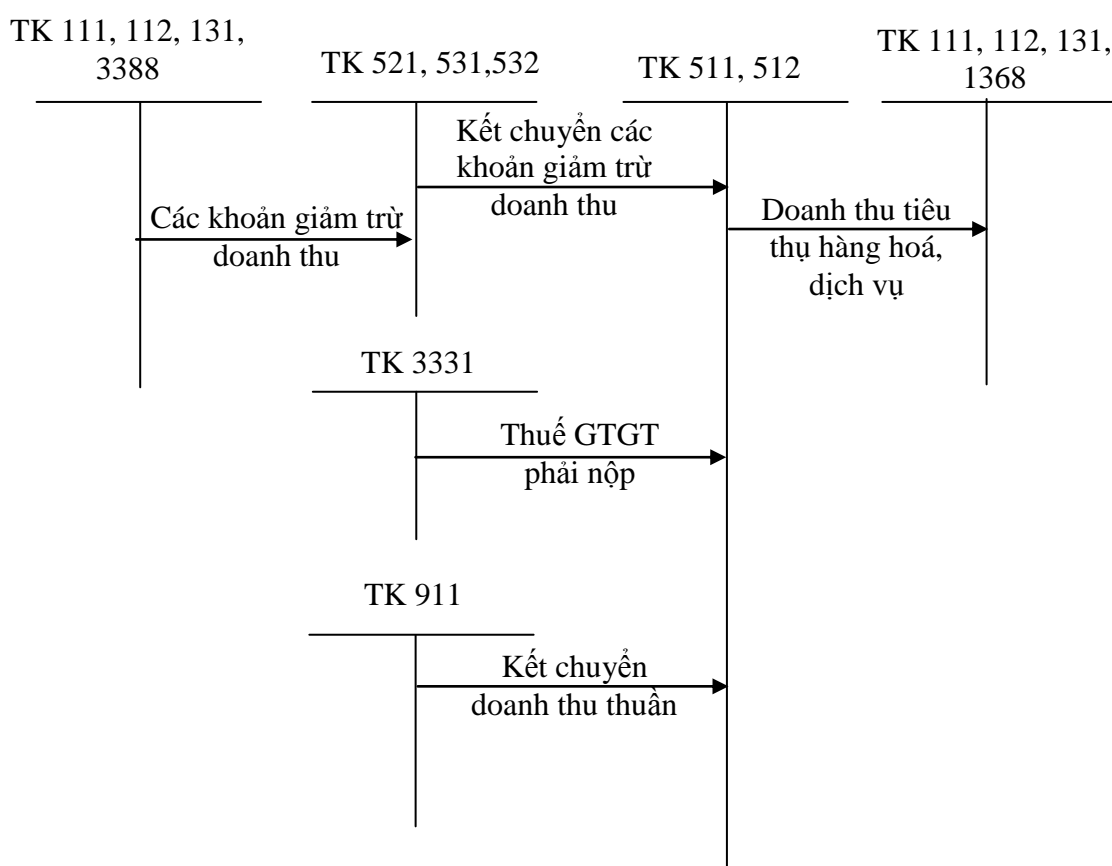
đã có cả thuế GTGT đầu ra, vì vậy trong kỳ kế toán không sử dụng tài khoản 3331 “Thuế GTGT đầu ra”. Cuối kỳ, khi xác định được số thuế GTGT phải nộp kế toán ghi:

Nợ TK 511

Có TK 3331

- Đối với mặt hàng không chịu thuế GTGT thì giá bán không liên quan đến thuế GTGT

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp



1.2.1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

a, Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có của ngân hàng.
- Phiếu thu tiền gửi.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b, Tài khoản sử dụng

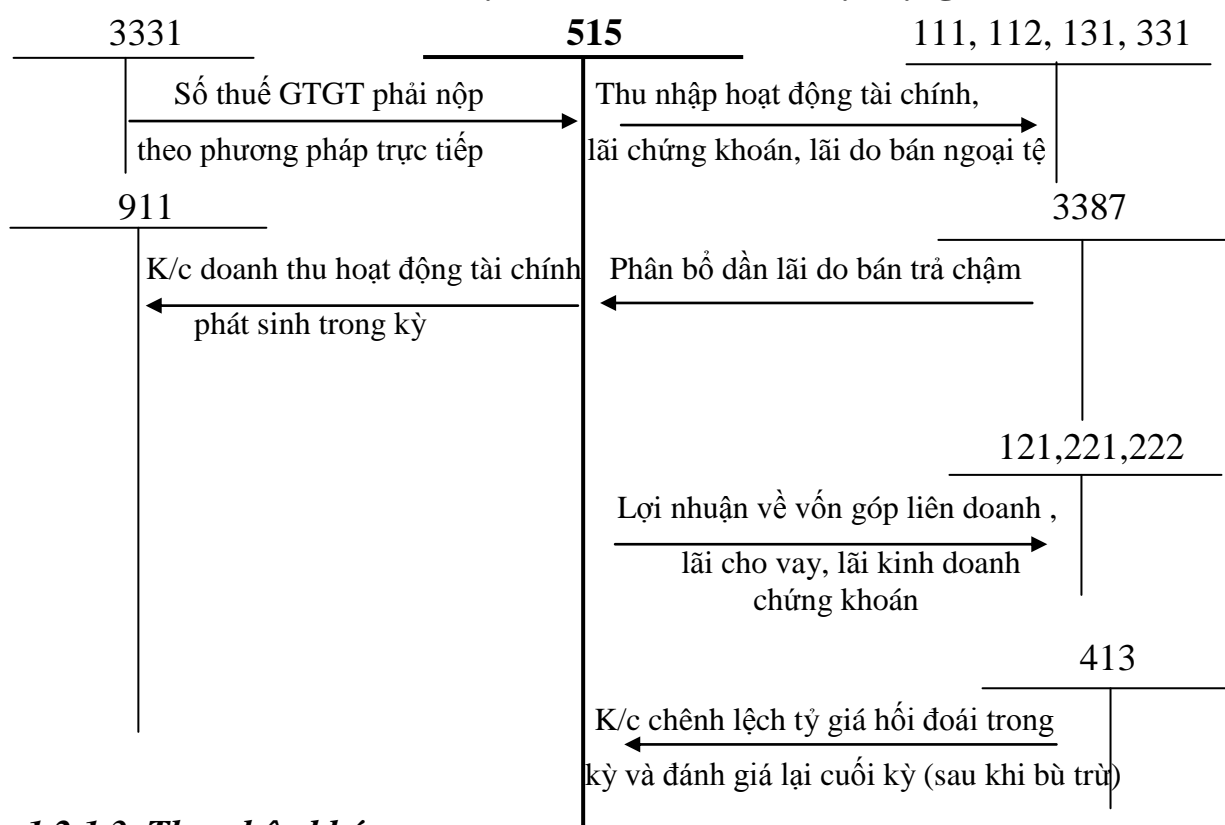
Tài khoản 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”.

c, Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 515.
- Các sổ kế toán khác có liên quan (nếu có).

d, Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3 Thu nhập khác

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản thu không mang tính chất thường xuyên.

a, Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng thuê tài sản.
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Phiếu thu, giấy báo Có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

b, Tài khoản sử dụng

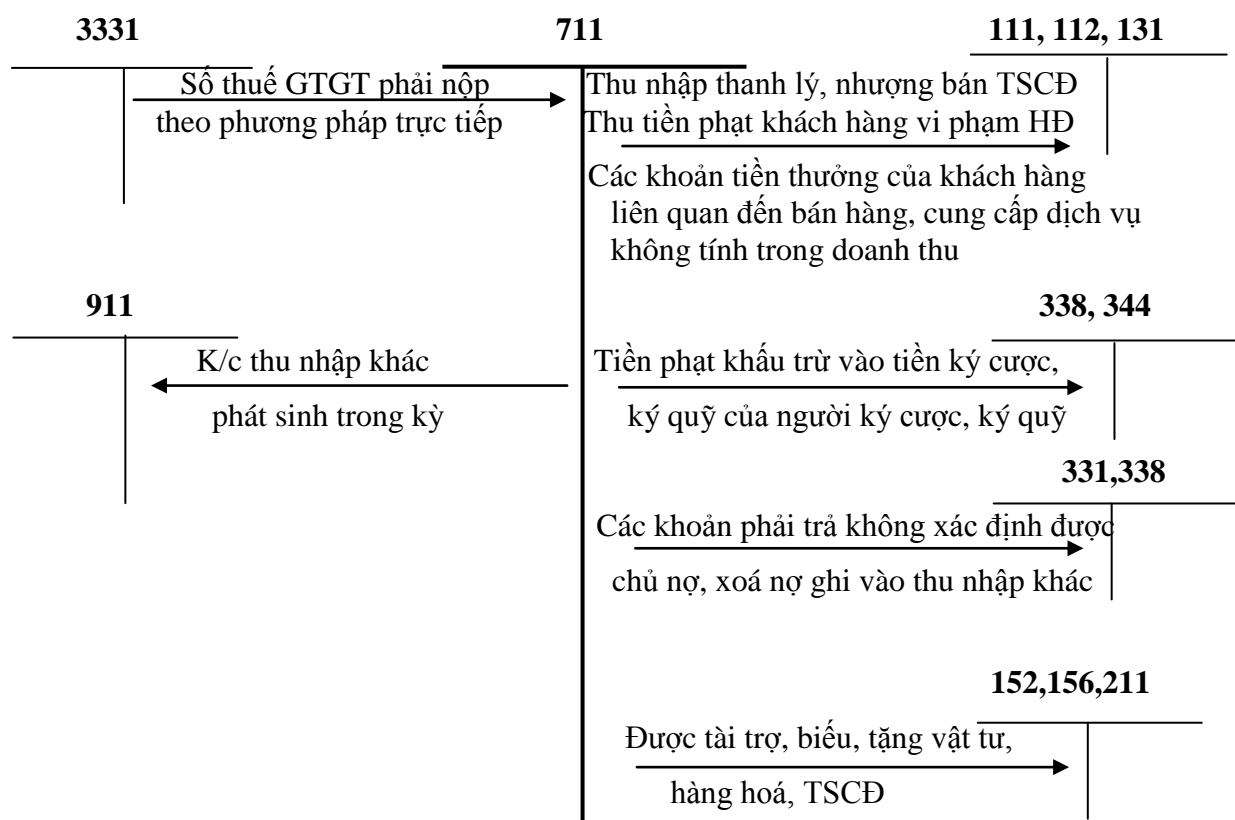
Tài khoản 711 “ Thu nhập khác”

c, Sổ kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 711.
- Các sổ kế toán khác liên quan (nếu có).

d, Trình tự hạch toán

Sơ đồ 1.4: Hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu về thu nhập khác



1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong các doanh nghiệp

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng)

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá.

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm.

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ.

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm.

Tài khoản này gồm 3 tài khoản cấp 2 thuộc các khoản giảm trừ doanh thu:

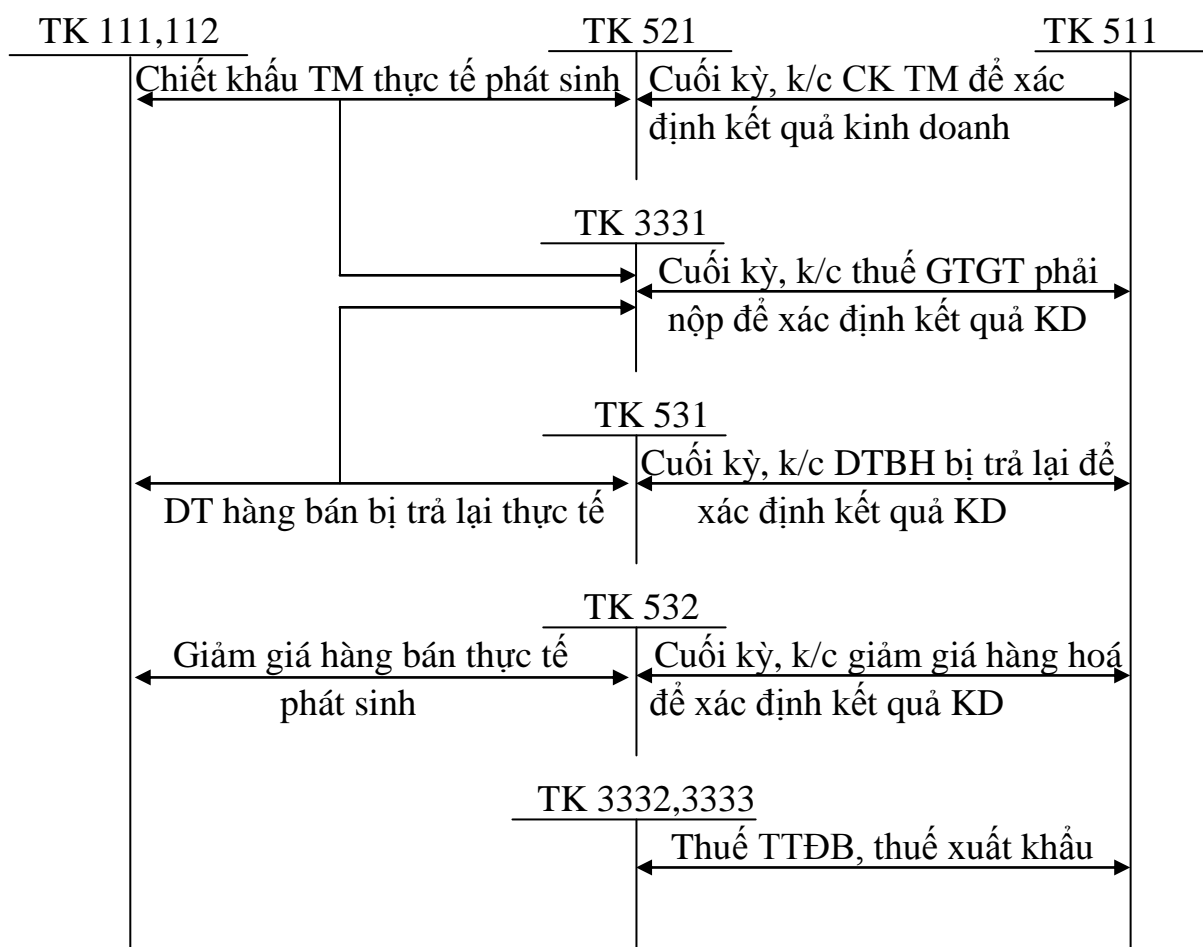
TK 3331- Thuế GTGT phải nộp(đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp).

TK 3332- Thuế TTĐB.

TK 3333- Thuế xuất, nhập khẩu.

(Sơ đồ 1.5 - Trang bên)

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.3 Kế toán chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp

Chi phí là những phí tổn tài nguyên, vật lực gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Chi phí hoạt động được tính vào kết quả kinh doanh, được tài trợ bằng nguồn vốn kinh doanh và được bù đắp bằng thu nhập tạo ra trong kỳ. Các khoản chi phí hợp lý phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác. Và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cũng không nằm ngoài danh mục các khoản chi phí của doanh nghiệp khi doanh nghiệp kinh doanh có lãi.

1.2.3.1 Giá vốn hàng bán

a, Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau

*** Phương pháp tính theo giá đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

*** Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

*** Phương pháp nhập trước - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

*** Phương pháp nhập sau - xuất trước**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

b, Kế toán giá vốn hàng bán

- ✓ Các chứng từ sử dụng
 - Phiếu nhập kho (Mẫu số 01- VT).
 - Phiếu xuất kho (Mẫu số 02- VT).
 - Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT).
 - Biên bản bàn giao kiêm phiếu xuất kho.
 - Các chứng từ khác liên quan.
- ✓ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

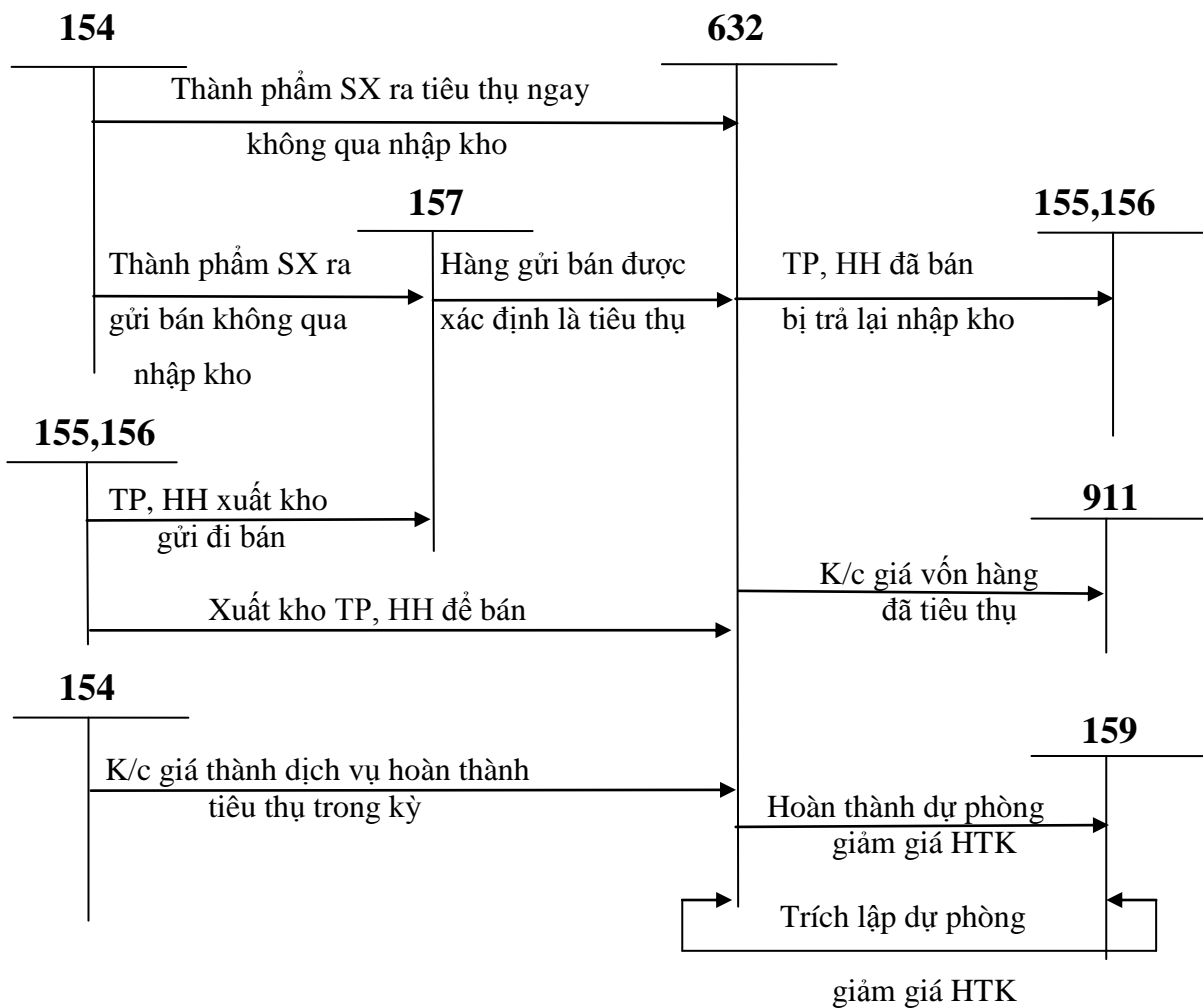
TK này phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

- ✓ Sổ sách sử dụng
 - Sổ nhật ký chung.
 - Sổ cái tài khoản 632.
 - Các sổ sách khác liên quan.
- ✓ Trình tự hạch toán

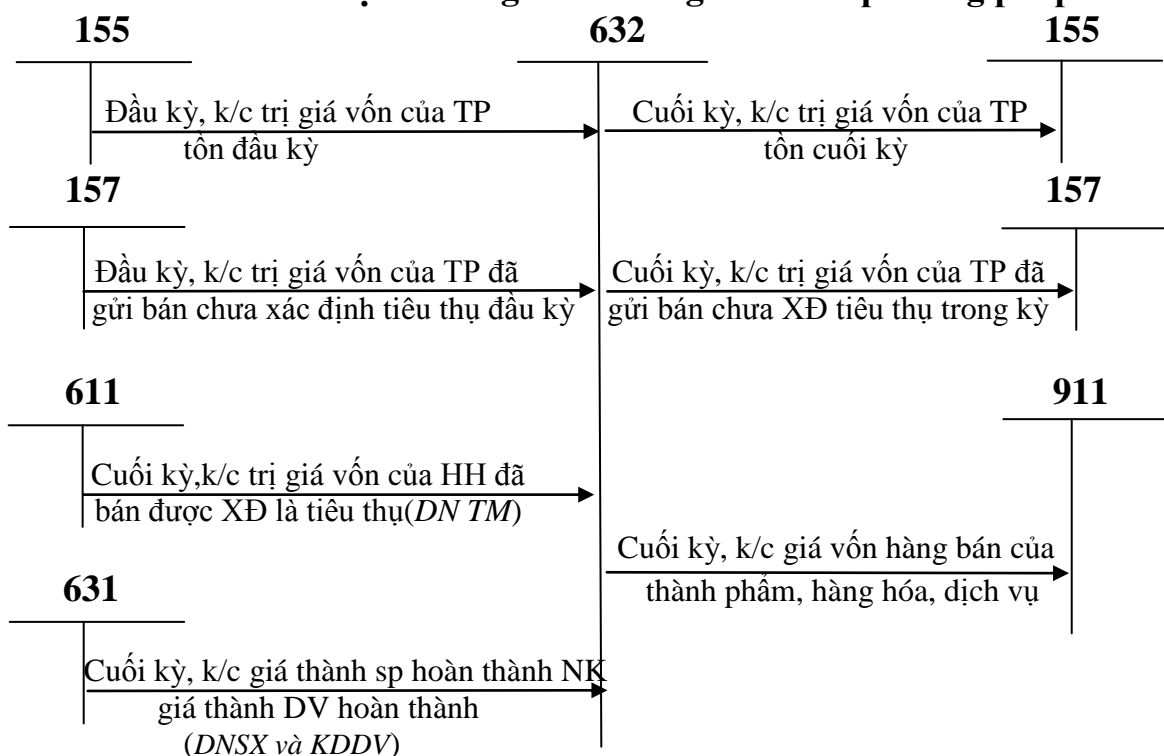
Tuỳ theo đặc điểm hoạt động kinh doanh của từng doanh nghiệp, mà doanh nghiệp chọn cách hạch toán giá vốn theo phương pháp KKTX hay phương pháp KKĐK.

(Sơ đồ 1.6, 1.7- Trang bên)

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKTX



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK



1.2.3.2 Kế toán chi phí bán hàng

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT).
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL).
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT).
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

b. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như

- TK 6411: Chi phí nhân viên.
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415: Chi phí bảo hành.
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác.

c. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 641.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 641.

1.2.3.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chứng từ kế toán sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL).
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT).

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ).
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT).
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL).
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL).
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng.

b. Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

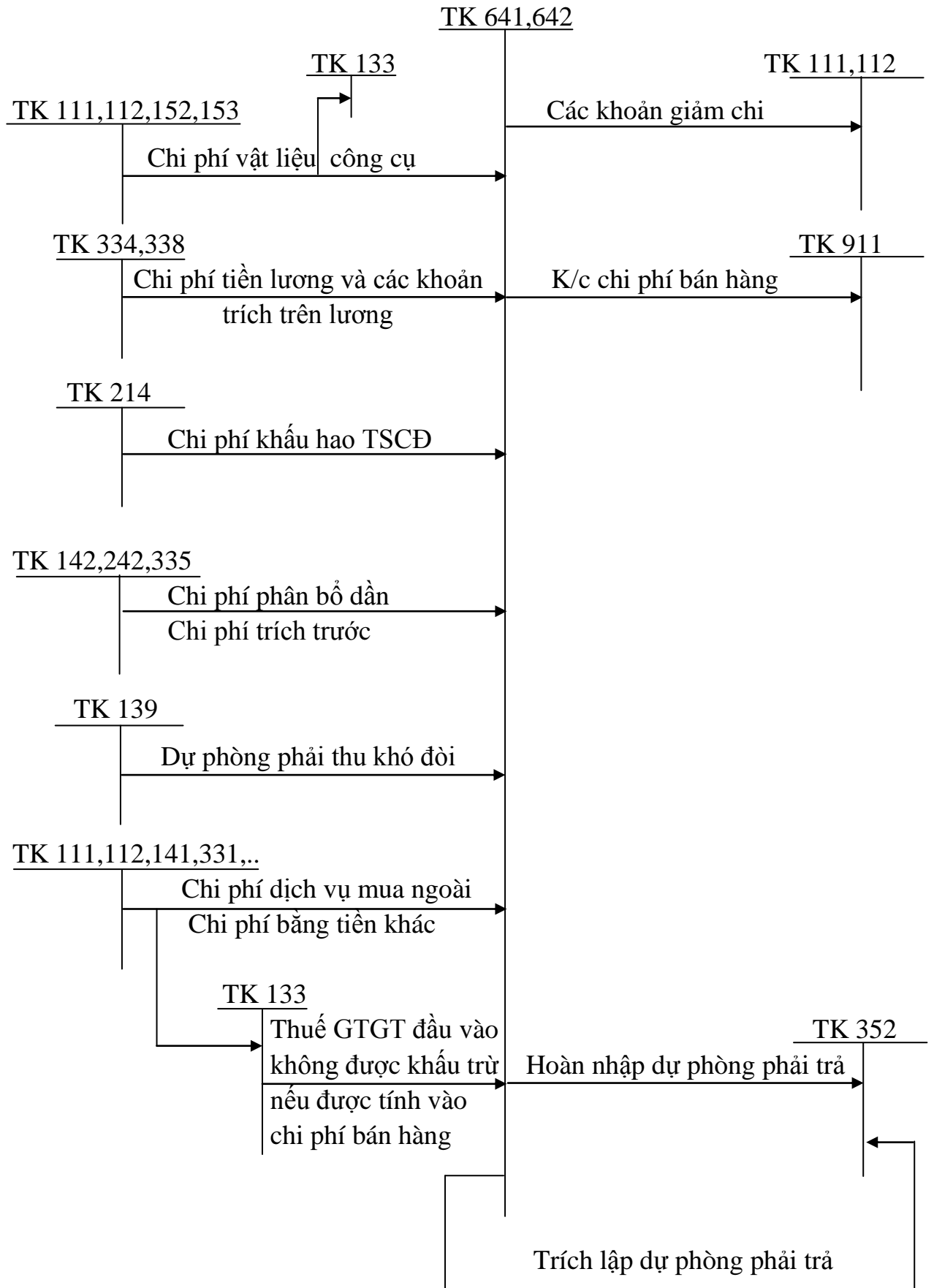
- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý.
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý.
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng.
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí.
- TK 6426: Chi phí dự phòng.
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

c. Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản 642 và các sổ sách có liên quan.

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí BH, chi phí QLDN



1.2.3.4 Chi phí tài chính

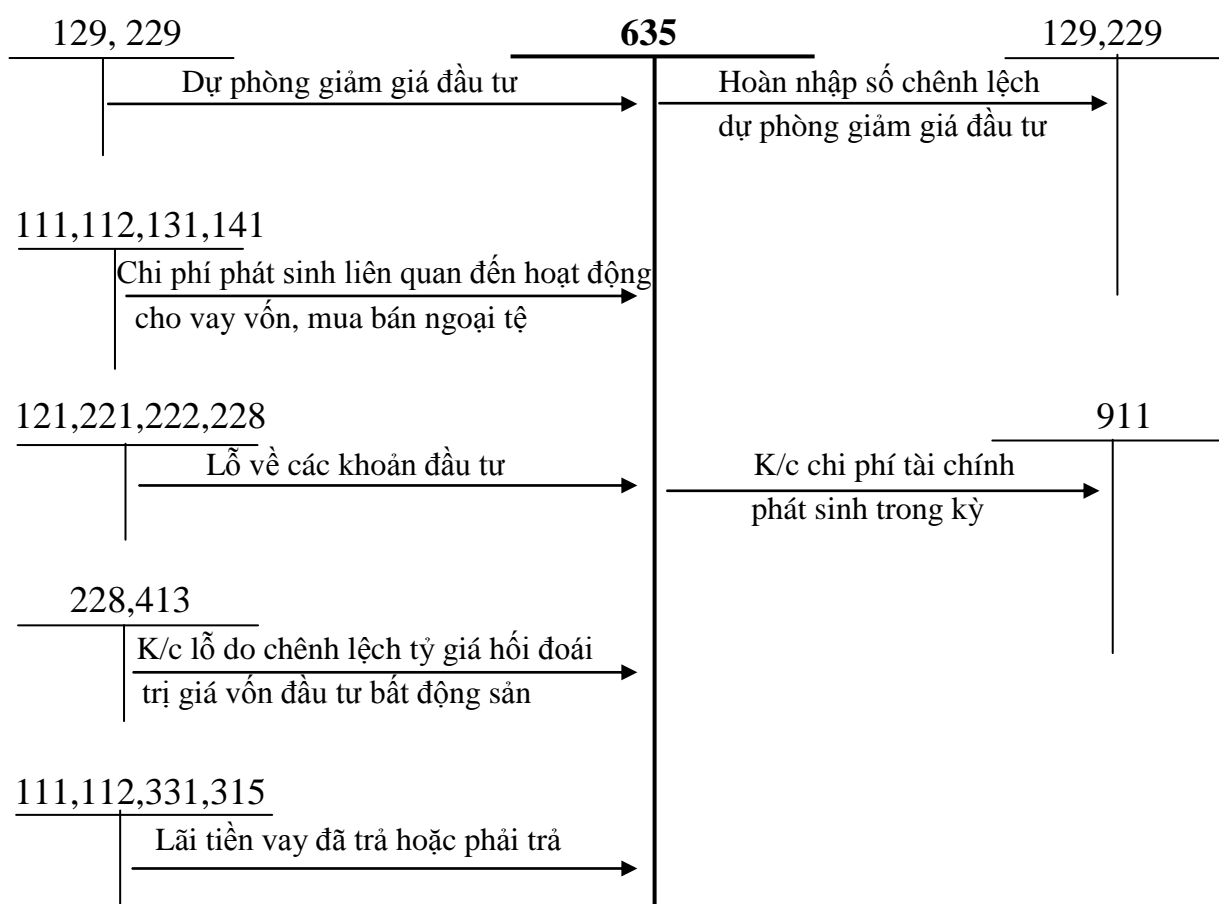
Tài khoản này phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các khoản đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Tài khoản 635 phải được hạch toán chi tiết theo từng nội dung chi phí.

Không hạch toán vào Tài khoản 635 những nội dung chi phí sau:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí kinh doanh bất động sản.
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản.
- Các chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác.
- Chi phí tài chính khác.

Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính



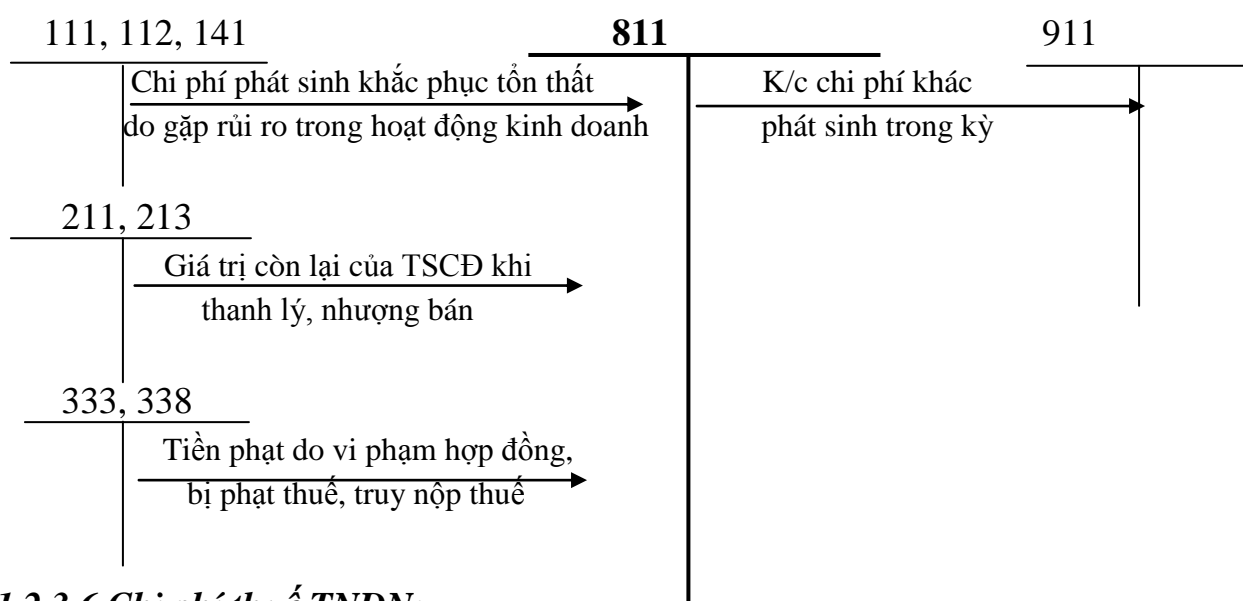
1.2.3.5 Chi phí khác

Tài khoản 811 “ Chi phí khác” dùng để phản ánh các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do bị vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi khác.

Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



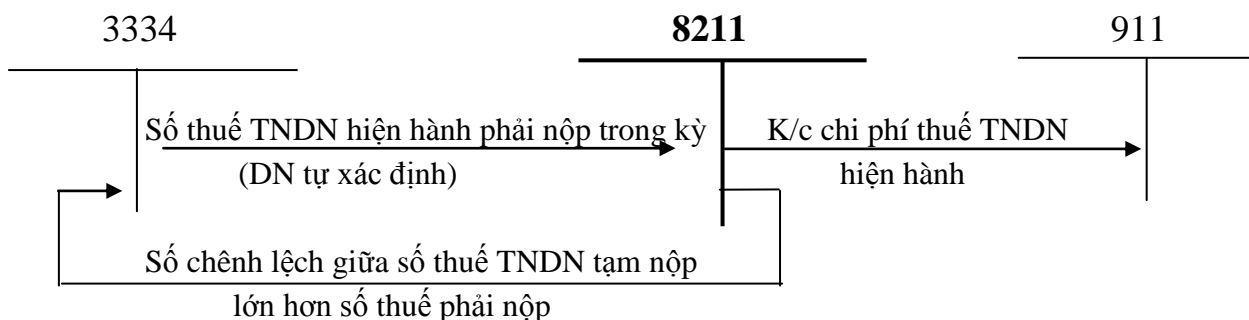
1.2.3.6 Chi phí thuế TNDN:

Tài khoản 821 “ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

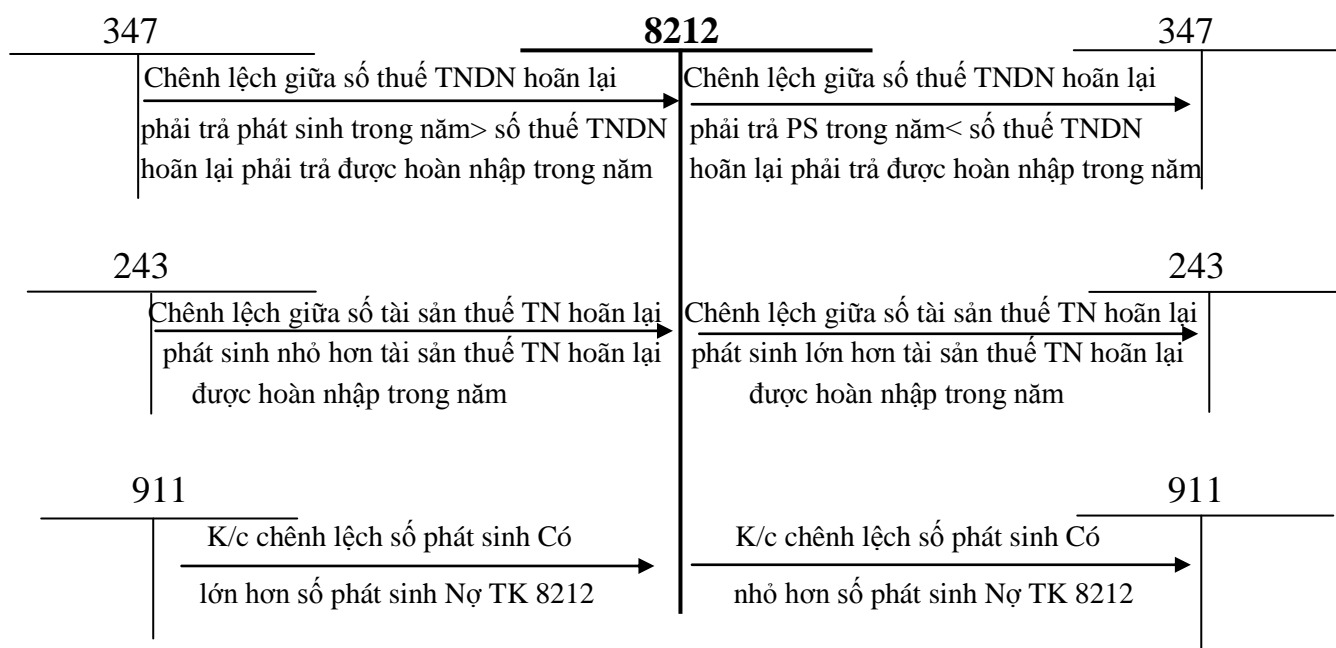
Tài khoản 821 có các TK cấp 2 sau

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành.
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại



1.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

✓ *Nội dung:* Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động bán hàng hóa, sản phẩm của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ.

✓ *Công thức tính*

Kết quả kinh doanh	=	Doanh thu thuần về bán hàng	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN	-	Chi phí thuế TNDN
Doanh thu thuần về bán hàng	=	Doanh thu trên hoá đơn	-	Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bị trả lại	-	Thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT theo PP trực tiếp	-		-	

✓ *Tài khoản kế toán sử dụng*

- TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”: Phản ánh, xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Tài khoản này không có số dư cuối kỳ.

- TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”: Phản ánh kết quả kinh doanh lãi lỗ và tình hình phân phối kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

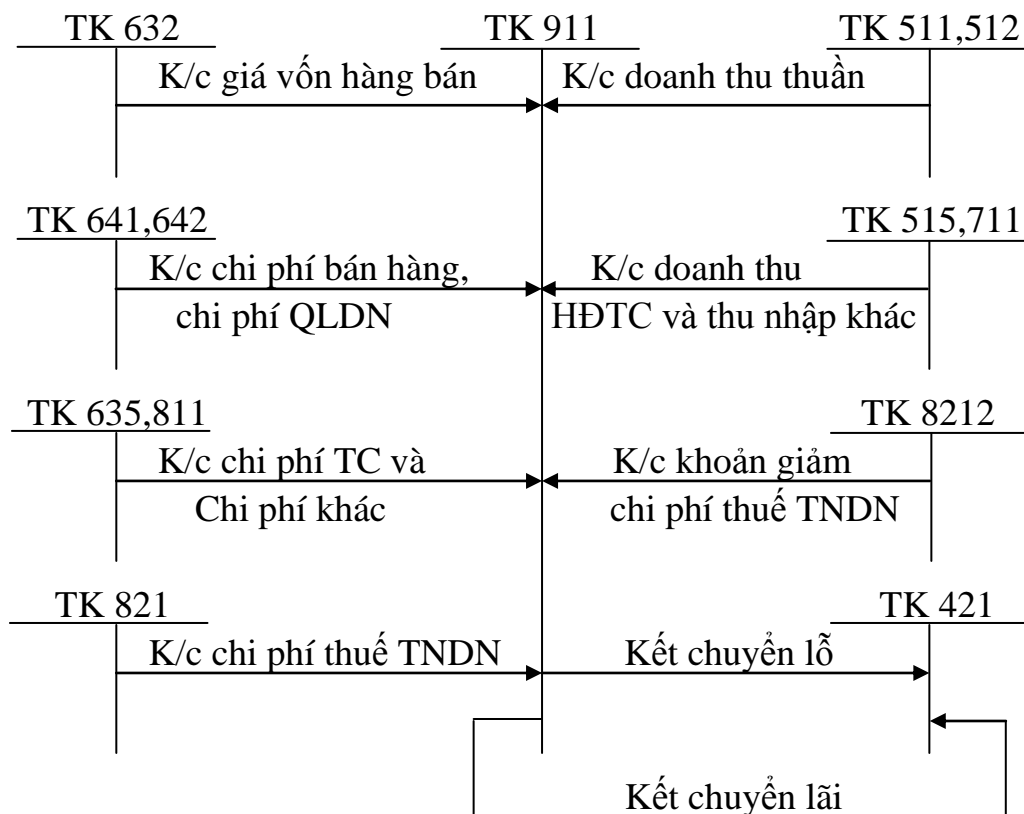
TK 421 có 2 tài khoản cấp 2:

TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”.

TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay”.

✓ *Trình tự hạch toán*

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp



1.3 HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

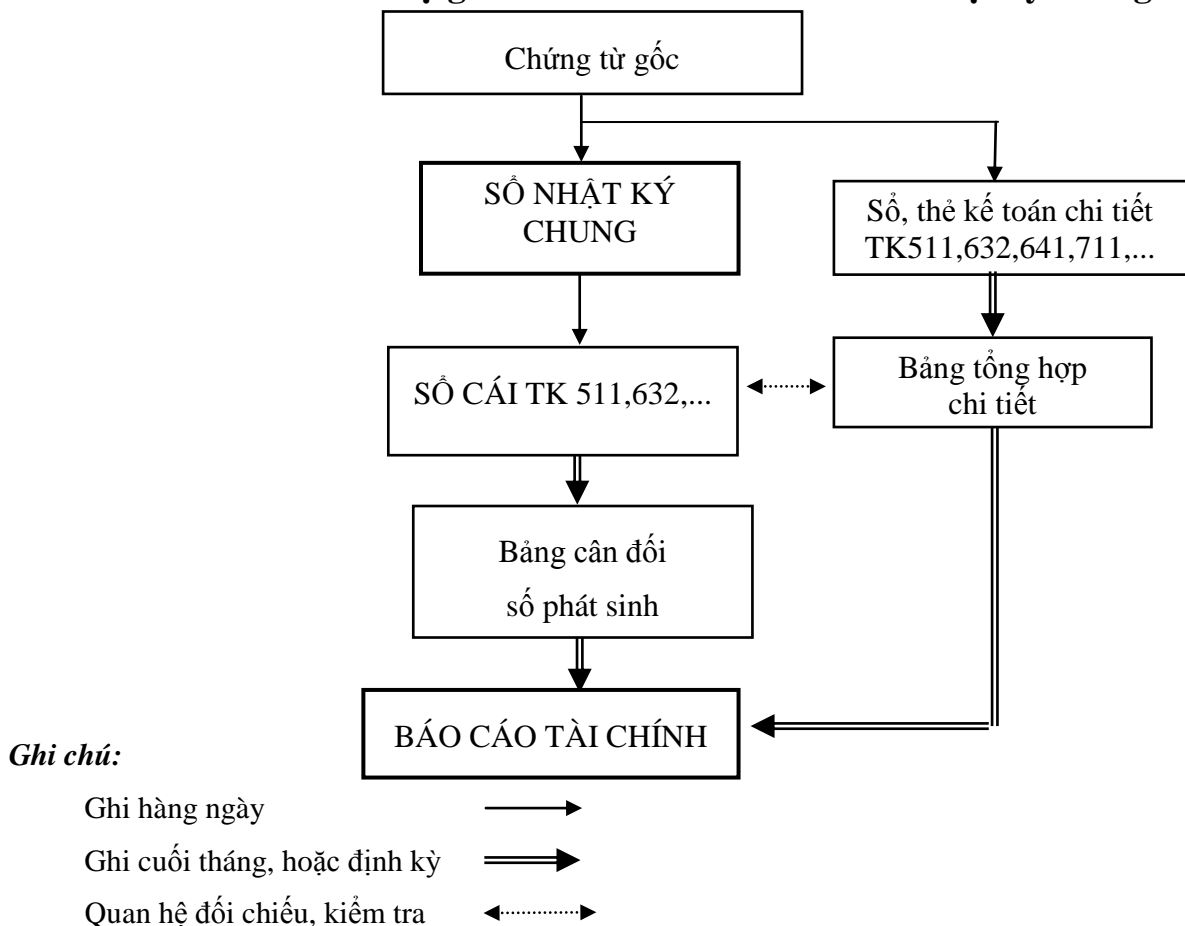
Mỗi doanh nghiệp tùy vào quy mô lớn nhỏ, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý,.....sẽ lựa chọn hình thức sổ kế toán phù hợp. Căn cứ vào những thông tin được ghi theo hình thức sổ kế toán đó, kế toán có thể hiểu một cách chính xác, đầy đủ và kịp thời tình hình tài chính của DN và từ đó đưa ra những quyết định hợp lý.

Các doanh nghiệp được áp dụng 1 trong 5 hình thức sổ kế toán sau

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ bán hàng, kế toán đưa số liệu vào Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái từng tài khoản, đồng thời ghi vào các sổ chi tiết có liên quan. Các số liệu trên Sổ chi tiết sẽ được tổng hợp vào cuối tháng để đối chiếu với Sổ cái. Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu trên Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



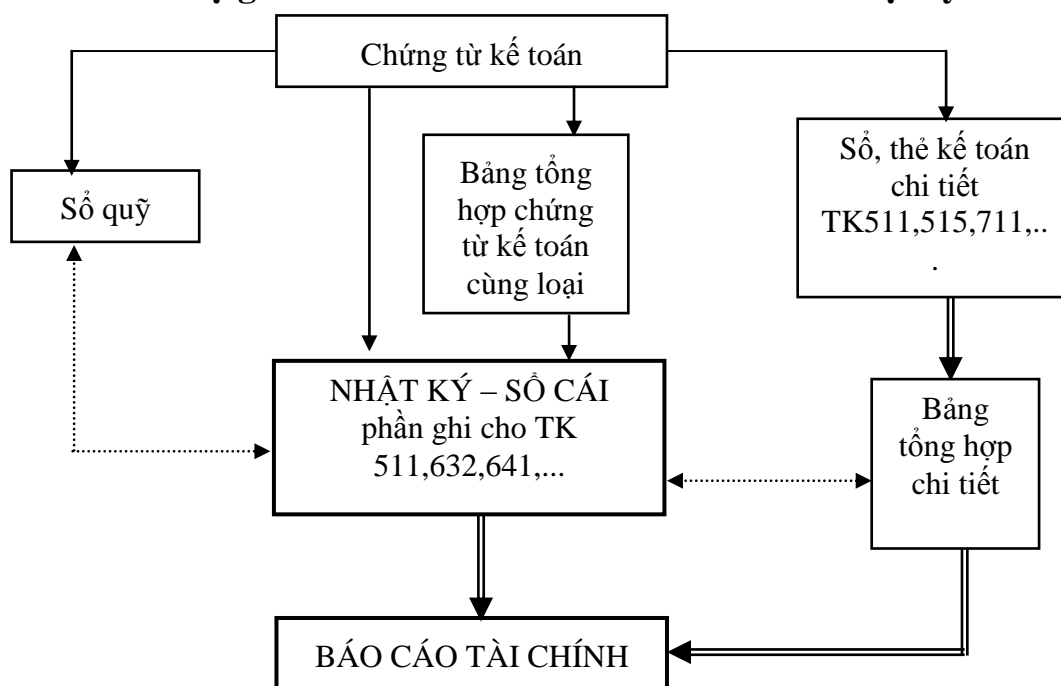
* **Ưu điểm:** Kết hợp được 2 hình thức Nhật ký- Sổ cái và Chứng từ ghi sổ. Với hình thức này, mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận lợi cho việc áp dụng máy vi tính để hiện đại hóa công tác kế toán.

* **Nhược điểm:** Việc kiểm tra, đối chiếu dồn đến cuối kỳ nên thông tin kế toán cung cấp không được kịp thời.

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đối với các doanh nghiệp áp dụng hình thức Nhật ký- Sổ cái: Các nghiệp vụ tiêu thụ phát sinh đều được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một sổ kế toán tổng hợp, sau đó phản ánh vào các sổ chi tiết tiêu thụ. Cuối kỳ, kế toán khoá sổ và thiết lập các báo cáo tiêu thụ và số liệu trên sổ tổng hợp và sổ chi tiết.

Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

* **Ưu điểm:** Hình thức Nhật ký sổ cái đơn giản, dễ hiểu, dễ ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra và không đòi hỏi nghiệp vụ chuyên môn cao. Sử dụng hình thức này không phải lập Bảng cân đối số phát sinh.

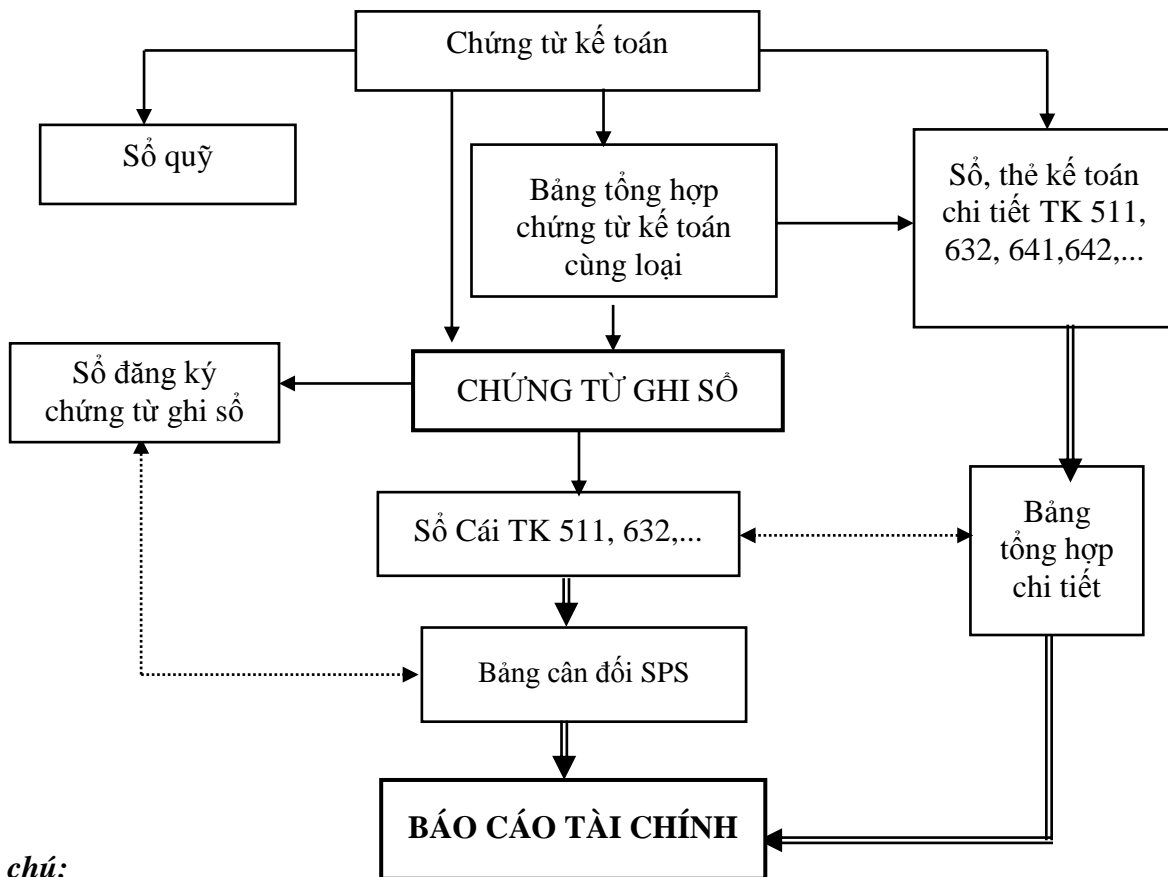
* **Nhược điểm:** Nếu đơn vị sử dụng nhiều tài khoản, các nghiệp vụ phát sinh nhiều sẽ làm cho sổ kế toán rất rộng, lãng phí giấy, khó phân công lao động kế toán. Do vậy hình thức này chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, số lượng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ít, sử dụng ít tài khoản kế toán.

1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ bán hàng (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ), kế toán ghi vào các Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào các chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó ghi vào Sổ cái. Các chứng từ bán hàng được dùng để ghi vào Sổ chi tiết tiêu thụ.

Cuối kỳ, khóa sổ tính ra số tiền của các nghiệp vụ phát sinh trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu trên Sổ cái và Sổ chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

* **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ làm, dễ phân công lao động kế toán, dễ kiểm tra, đối chiếu chặt chẽ, phù hợp với đơn vị có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Thuận lợi cho việc áp dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật để hiện đại hóa công tác kế toán.

* **Nhược điểm:** Chứng từ ghi sổ lập nhiều, số lượng công việc kế toán ghi chép nhiều, dễ phát sinh trùng lặp; công việc kiểm tra, đối chiếu dồn vào cuối kỳ, cuối tháng nên việc thông tin kinh tế có thể chậm, ảnh hưởng đến thời gian lập báo cáo kế toán.

1.3.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ bán hàng, kế toán lấy số liệu để ghi vào các Bảng kê số 5, Số 10, Số 11 và Nhật ký chứng từ số 7, số 8; đồng thời ghi vào các sổ chi tiết tiêu thụ có liên quan.

Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký- Chứng từ. Kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký- Chứng từ với các số liệu trên các sổ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký- Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ cái.

Căn cứ vào sổ, thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ cái.

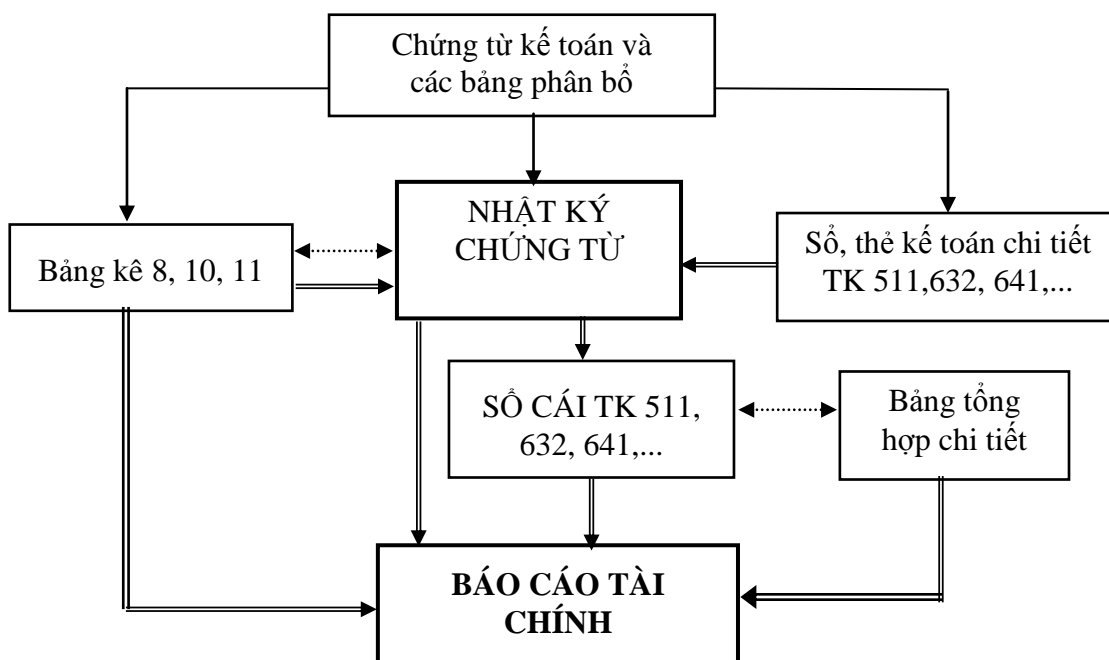
Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

(Sơ đồ 1.17- Trang bên)

* **Ưu điểm:** Giảm nhẹ khối lượng công việc ghi sổ kế toán, công việc ghi sổ được giãn đều trong tháng. Việc kiểm tra, đối chiếu được tiến hành ngay trên các sổ kế toán và báo cáo kế toán, vì vậy việc lập báo cáo kế toán được kịp thời.

* **Nhược điểm:** Kết hợp nhiều chỉ tiêu trên trang sổ làm sổ phức tạp, không thuận lợi cho việc áp dụng vào công tác kế toán, đội ngũ kế toán đòi hỏi phải có trình độ chuyên môn vững vàng. Hình thức này thích hợp cho các doanh nghiệp có nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhiều.

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng ══════════>
- Đối chiếu, kiểm tra <----->

1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

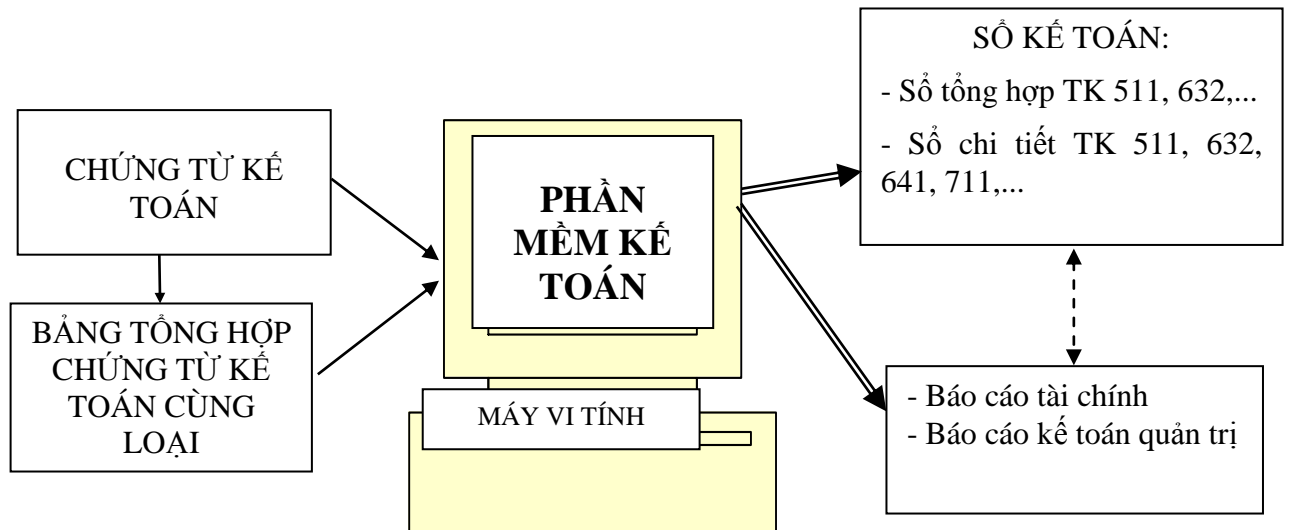
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán bán hàng, kế toán nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký- Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

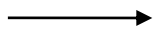
Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

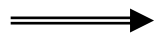
**Sơ đồ 1.18: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN
THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN TRÊN MÁY VI TÍNH**



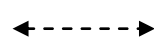
Ghi chú:



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

2.1.1 Quá trình hình thành, phát triển của Công ty TNHH Ngọc Tiến

- ❖ Tên giao dịch Tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN.
 - ❖ Tên giao dịch Tiếng Anh: NGOC TIEN COMPANY LIMITED.
 - ❖ Trụ sở : Tổ 6- khu 9- phường Bãi Cháy- Thành phố Hạ Long- Tỉnh Quảng Ninh.
 - ❖ Tel : (033)3846613.
 - ❖ Công ty TNHH Ngọc Tiến là công ty ngoài quốc doanh, với vốn điều lệ là: 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng Việt Nam).
 - ❖ Đăng ký kinh doanh số: 5700603468 được Sở kế hoạch và đầu tư Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 24 tháng 07 năm 2006.
 - ❖ Đăng ký kinh doanh thay đổi lần I số 5700603468 ngày 04 tháng 11 năm 2009.
 - ❖ Danh sách thành viên vốn góp
 - Ông: Đặng Mạnh Tường góp 2.250.000.000 đồng tương ứng với 75% phần vốn góp.
 - Ông: Lã Quốc Huy góp 750.000.000 đồng tương ứng 25% phần vốn góp.
- Công Ty TNHH Ngọc Tiến là công ty trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất kinh doanh.

Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh sơn các loại, bột bả.
- Thi công sơn các loại công trình, vật liệu phụ thi công sơn.
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy.

➤ Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh.

➤ Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).

Những thuận lợi và khó khăn của công ty TNHH Ngọc Tiên trong thời gian qua

❖ Thuận lợi

- Công ty đã xây dựng tốt bộ máy quản lý và tuyển dụng đào tạo, đội ngũ lao động có trình độ, tay nghề. Ban lãnh đạo công ty giàu kinh nghiệm, biết khai thác và phát huy năng lực của cán bộ công nhân viên.

- Quan tâm, chú trọng đầu tư máy móc hiện đại, trang thiết bị thích hợp tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh được thuận lợi.

- Công ty không những duy trì tốt quan hệ với bạn hàng quen thuộc mà còn tăng cường mở rộng hợp tác với bạn hàng khác với mục tiêu mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

- Các sản phẩm hàng hóa của công ty rất đa dạng và đảm bảo chính hãng, có thể đáp ứng được mọi yêu cầu của khách hàng.

❖ Khó khăn

- Các chi phí tăng: giá điện, giá nước, giá xăng... kéo theo sự gia tăng về chi phí đầu vào trong doanh nghiệp.

- Hiện nay, các công ty buôn bán về sơn, thiết bị điện..... khá nhiều, dẫn đến sự cạnh tranh về các mặt hàng khá lớn.

=> Trong giai đoạn hiện nay, ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Thành tích đạt được

Trải qua 5 năm hình thành và lớn mạnh, công ty đã và đang được bước chuyên mình mang tính đột phá cả về mặt chất lượng cũng như quy mô. Công ty không ngừng mở rộng các lĩnh vực kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường cũng như tiềm năng sẵn có của mình.

**Biểu 2.1: BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA
CÔNG TY TRONG 2 NĂM 2009- 2010**

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	So sánh	
			Chênh lệch	%
DT thuần	44.471.292.000	50.687.530.000	6.216.238.000	13,98
Giá vốn hàng bán	42.671.128.100	48.754.150.000	6.083.021.900	14,26
Lợi nhuận gộp	1.800.163.900	1.933.380.000	133.216.100	7,40
DT hoạt động TC	21.350.185	25.750.925	4.400.740	20,61
Chi phí TC	99.560.849	80.560.000	-19.000.849	-19,08
Chi phí BH	640.350.000	631.900.510	-8.449.490	-1,32
Chi phí QLDN	698.393.936	700.349.781	1.955.845	0,28
LN thuần	383.209.300	546.320.634	163.111.334	42,56
Thu nhập khác	11.632.691	8.756.000	-2.876.691	-24,73
Chi phí khác	1.471.000	2.250.000	779.000	52,96
LN khác	10.161.691	6.506.000	-3.655.691	-35,98
Tổng LN KT trước thuế	393.370.991	552.826.634	159.455.643	40,54
CP thuế TNDN hiện hành	98.342.748	138.206.659	39.863.911	40,54
LN sau thuế TNDN	295.028.243	414.619.976	119.591.732	40,54

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh của công ty TNHH Ngọc Tiến trong 2 năm 2009- 2010 trên có thể thấy, lợi nhuận công ty đạt được là không cao nhưng công ty vẫn có lãi và năm 2010 cao hơn năm 2009. Điều này chứng tỏ sự cố gắng của công ty trong công tác tổ chức hoạt động kinh doanh. Trên đà này, cùng với xu hướng phát triển của nền kinh tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công ty thúc đẩy hoạt động kinh doanh đem lại hiệu quả cao, tạo dựng thương hiệu và ngày càng

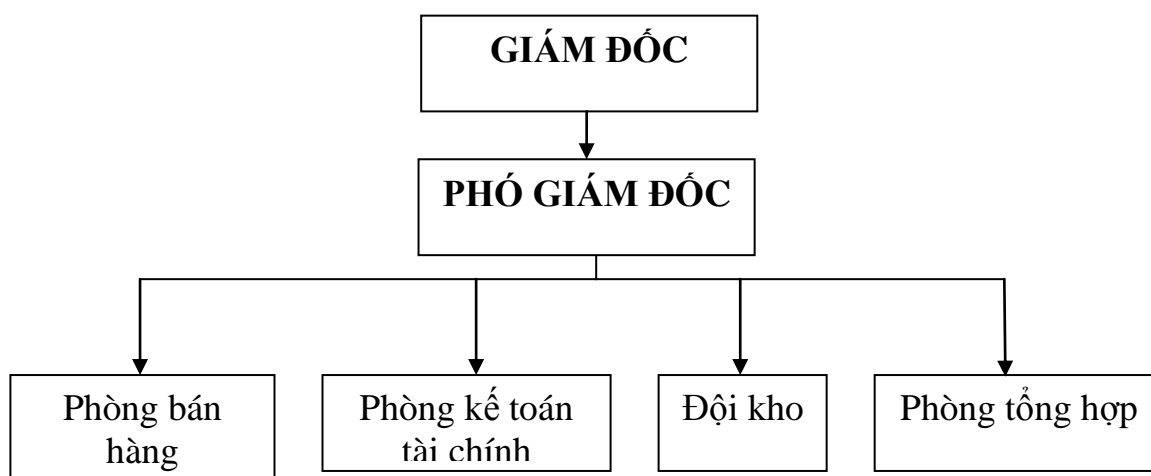
phát triển ổn định.

2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Ngọc Tiên

Bộ máy quản lý được tổ chức theo cơ cấu trực tuyến chức năng.

Công ty được phân ra các phòng ban có chức năng nhiệm vụ riêng theo mục đích hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các phòng chức năng thực hiện theo sự điều hành của ban giám đốc và có sự phối kết hợp giữa các phòng khi cần thiết trong công việc để thực hiện những mục tiêu của công ty.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý công ty TNHH Ngọc Tiên



Giám đốc Công ty

Là người đại diện pháp nhân duy nhất của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật, Nhà nước về hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi hoạt động của công ty đều phải tập trung thống nhất dưới sự điều hành của Giám đốc: ký kết hợp đồng kinh tế, tổ chức bộ máy quản lý, đề bạt, bãi nhiệm ... cán bộ nhân viên dưới quyền theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của Công ty.

Phó giám đốc

Giúp việc cho Giám đốc có 01 Phó giám đốc được phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về lĩnh vực được giao. Phó giám đốc chịu trách nhiệm về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, giám sát hoạt động của các phòng ban. Mỗi phòng ban đều có chức năng nhiệm vụ cụ thể và có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Phòng bán hàng

Quản lý điều hành công tác tiêu thụ sản phẩm của toàn bộ Công ty. Bao gồm:

- Nghiên cứu thị trường, thu thập, báo cáo và xử lý thông tin, khai thác mở rộng thị trường, tiếp thị quảng cáo, thanh tra, kiểm tra giám sát công tác tiêu thụ sản phẩm, kiểm tra các vùng thị trường, kết hợp với phòng Kế toán tài chính đơn đốc khách hàng thanh toán tiền công nợ.

- Ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm và chịu trách nhiệm đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng đó. Cùng với phòng Kế toán tài chính xây dựng giá bán các loại sản phẩm, các quy chế tiêu thụ, chế độ khuyến mãi, động viên, khuyến khích khách mua hàng, hàng hoá của công ty và khối cửa hàng giới thiệu sản phẩm trình Giám đốc Công ty duyệt.

Phòng Kế toán tài chính

Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng khai thác và quản lý nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thực hiện công tác hoạch toán, thống kê theo quy định của Nhà nước; phân tích hoạt động kinh tế để cung cấp các thông tin về hiệu quả kinh doanh, về tài sản của Doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

Phòng tổng hợp

- Thực hiện các chức năng về quản lý lao động, tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty. Thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, trợ cấp ốm đau và các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động. Tham mưu với Giám đốc trong công tác tổ chức cán bộ, đơn đốc việc chấp hành kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của Công ty.

- Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh tháng, quý, năm. Kế hoạch giá thành sản phẩm; thống kê, tổng hợp tiêu thụ sản phẩm, chi tiêu tài chính.

- Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính, phục bữa ăn giữa ca cho công nhân viên chức.

- Xây dựng phương án bảo vệ và thực hiện việc tuần tra công tác bảo vệ tài sản Công ty, kết hợp với chính quyền và công an khu vực giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng phương án biện pháp phòng chống cháy nổ, chống bão lụt.

Đội kho

Quản lý toàn bộ hệ thống kho hàng của Công ty. Chịu trách nhiệm vận chuyển trong quá trình mua bán hàng hoá. Đảm nhiệm việc kiểm tra kho hàng trong quá trình xuất, nhập hàng hoá.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Ngọc Tiên

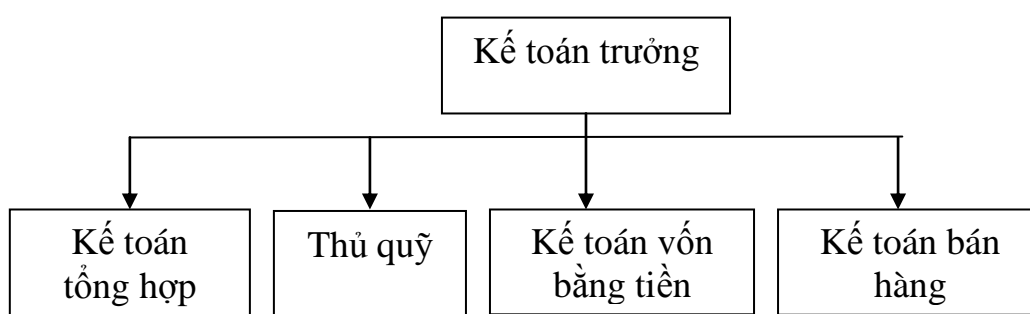
Công ty là doanh nghiệp thương mại chuyên kinh doanh sơn các loại, các vật liệu điện, thiết bị điện... Nguồn hàng cung cấp chủ yếu cho công ty là từ Hà Nội và Hải Phòng.

Đối với các nhà cung cấp quen thuộc công ty chỉ cần ký kết hợp đồng và vận chuyển về kho công ty.

Đối với nhà cung cấp mới (có chính sách bán hàng ưu đãi) công ty sẽ cử nhân viên trực tiếp đến xem xét, nếu được sẽ ký hợp đồng sau đó vận chuyển về công ty.

Công ty kinh doanh chủ yếu trên thị trường Quảng Ninh, ngoài ra còn ở cả tỉnh Hải Dương. Đảm bảo ổn định và không ngừng tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Công ty.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Ngọc Tiên



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy tổ chức kế toán công ty TNHH Ngọc Tiên

Kế toán trưởng

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài

chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

- ***Kế toán tổng hợp:*** Kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp; Kiểm tra các định khoản các nghiệp vụ phát sinh. Kiểm tra sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp; Hạch toán thu nhập, chi phí, khấu hao, TSCĐ, công nợ, nghiệp vụ khác; Lập báo cáo tài chính theo từng quý, 6 tháng, năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

- ***Thủ quỹ:*** Có nhiệm vụ giữ tiền mặt và căn cứ vào chứng từ gốc hợp lệ để Thu hoặc Chi tiền mặt; Lập sổ quỹ tiền mặt, vào cuối ngày đối chiếu với số liệu của kế toán TM.

- ***Kế toán vốn bằng tiền:*** Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Cuối ngày kiểm tra, đối chiếu số liệu của thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

- ***Kế toán bán hàng:*** Theo dõi tình hình tiêu thụ hàng hoá của công ty thường xuyên, chặt chẽ đảm bảo ghi đúng, ghi đủ. Trên cơ sở đặc điểm của công ty mình, kế toán đã vận dụng lý luận vào thực tiễn để đưa hệ thống sổ sách ghi chép phản ánh quá trình tiêu thụ hàng hoá được rõ ràng, đảm bảo doanh thu chính xác của từng tháng, từng năm; qua đó xác định được đúng nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng như lợi nhuận của Công ty.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Ngọc Tiến

❖ Chế độ kế toán

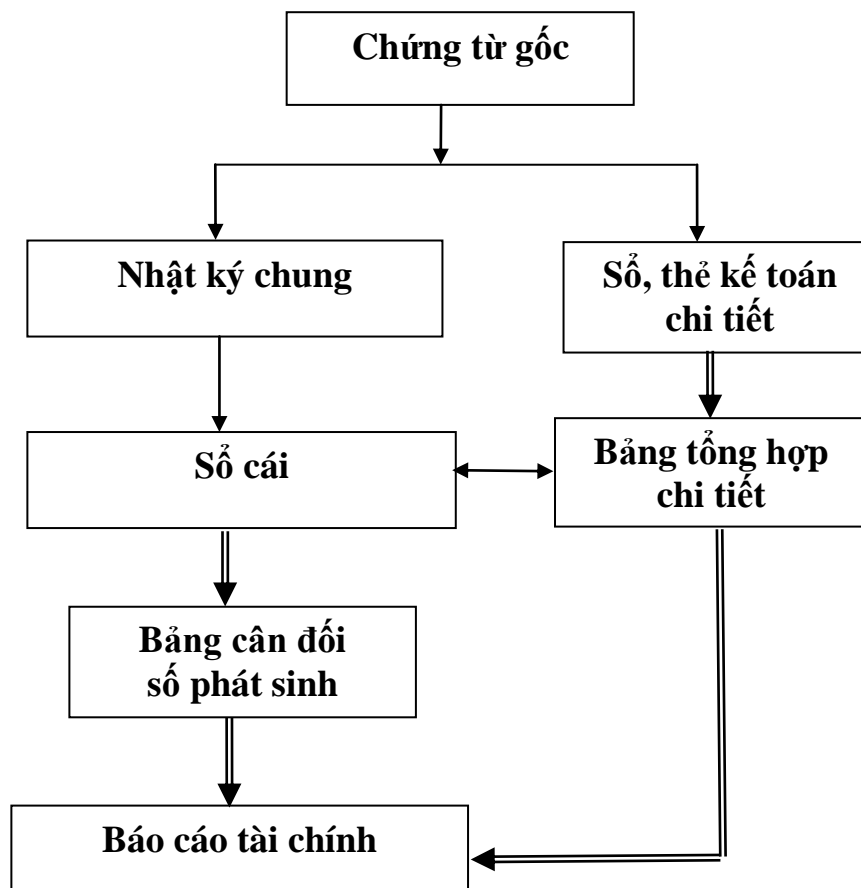
- Chế độ kế toán áp dụng: chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính

- Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 hàng năm

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam (VNĐ)
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc ghi nhận HTK: Giá gốc
 - + Phương pháp tính giá xuất kho HTK : Nhập trước- Xuất trước
 - + Phương pháp hạch toán HTK: Kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng: Khấu hao đường thẳng (Khấu hao đều).

❖ **Hình thức kế toán**

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú

- Ghi hàng ngày.
- =====> Ghi cuối tháng, hoặc định kì.
- ←====> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán phát sinh, kế toán ghi nghiệp vụ

phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó từ Nhật ký chung chuyển từng số liệu để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ kế toán.

✓ ***Các loại sổ sách được dùng trong hình thức nhật ký chung:***

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- Bảng tổng hợp chi tiết.

2.2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng

Là một doanh nghiệp thương mại chuyên buôn bán sản phẩm sơn các loại, thiết bị điện,... Nên doanh thu chủ yếu của công ty là từ việc bán hàng hoá, doanh thu dịch vụ chiếm một số lượng rất ít, không đáng kể.

✓ ***Tài khoản sử dụng***

- TK 5111 : Doanh thu bán hàng.
- TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ.

✓ ***Chứng từ sử dụng***

- Hoá đơn bán hàng thông thường, Hoá đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.
- Hợp đồng mua bán hàng hoá.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Chứng từ khác có liên quan (nếu có).

✓ *Sổ sách sử dụng*

- Sổ chi tiết bán hàng.
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản (511, 131, 3331,...).
- Các sổ kế toán có liên quan (nếu có).

✓ *Trình tự hạch toán*

Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu tại công ty như sau:

– Đối với hoạt động bán hàng, trước hết căn cứ vào hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thoả thuận mua bán của khách hàng, kế toán bán hàng viết Hoá đơn GTGT làm căn cứ để thủ kho viết phiếu xuất kho và kế toán hạch toán nghiệp vụ bán hàng.

– Đối với các hoạt động cung ứng dịch vụ, kế toán cũng căn cứ vào các hợp đồng về cung ứng dịch vụ để làm quyết toán và viết hoá đơn GTGT cho khách hàng khi kết thúc hợp đồng.

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyền hoá đơn

Liên 2: (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.

Liên 3: (Màu xanh) Dùng để luân chuyển trong nội bộ công ty.

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ; số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ) ; địa chỉ; số tài khoản; mã số thuế; hình thức thanh toán.

- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp); số lượng; đơn giá; thành tiền; chiết khấu (nếu có); thuế GTGT; tổng tiền thanh toán.

✓ *Phương thức thanh toán*

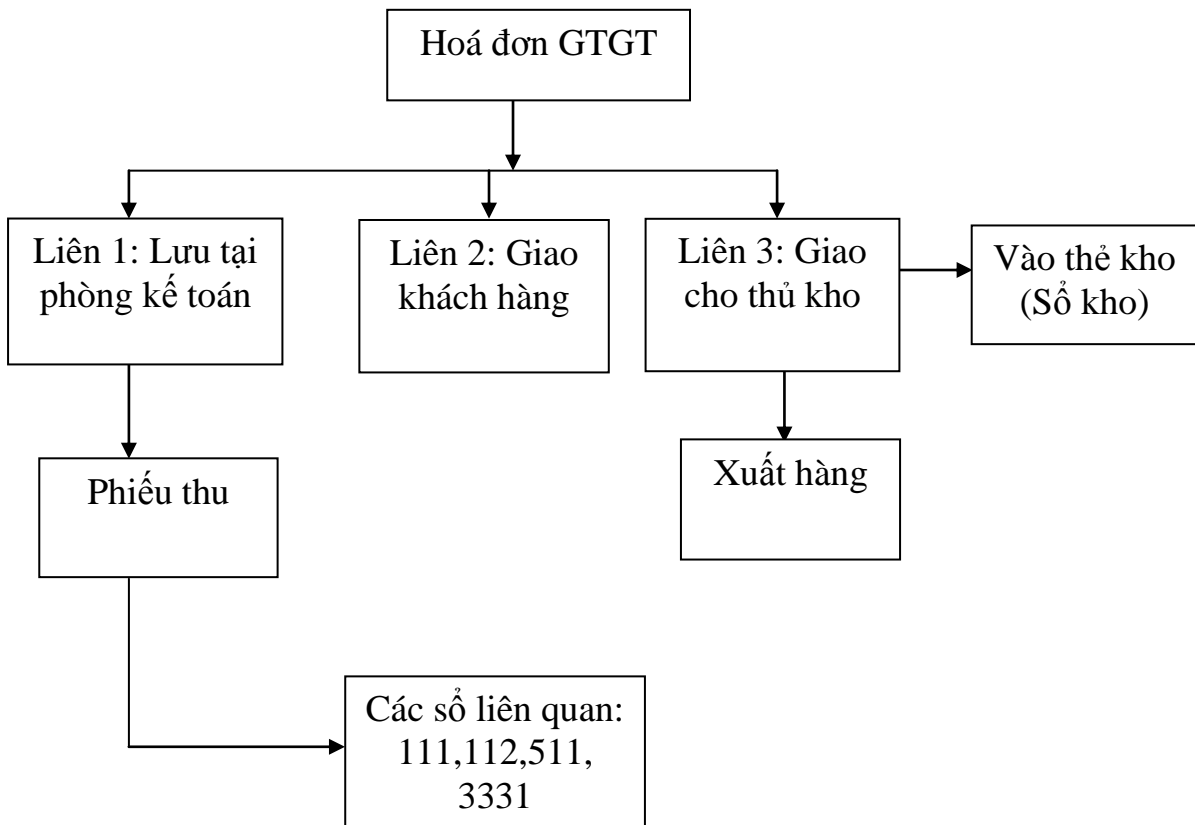
Hiện nay, Công ty TNHH Ngọc Tiên áp dụng 2 phương thức thanh toán đó là:

- Bán hàng thu tiền ngay (hình thức thanh toán ngay): Theo phương thức này hàng hoá của công ty sau khi giao cho khách hàng phải được thanh toán ngay bằng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản.

- Bán hàng chưa thu tiền ngay (hình thức thanh toán chậm): Đây là hình thức mua hàng trả tiền sau. Theo hình thức này, công ty sau khi xuất bán hàng cho khách, số hàng đó được xác nhận đã tiêu thụ và kế toán tiến hành ghi nhận doanh thu bán hàng đồng thời theo dõi trên sổ chi tiết công nợ.

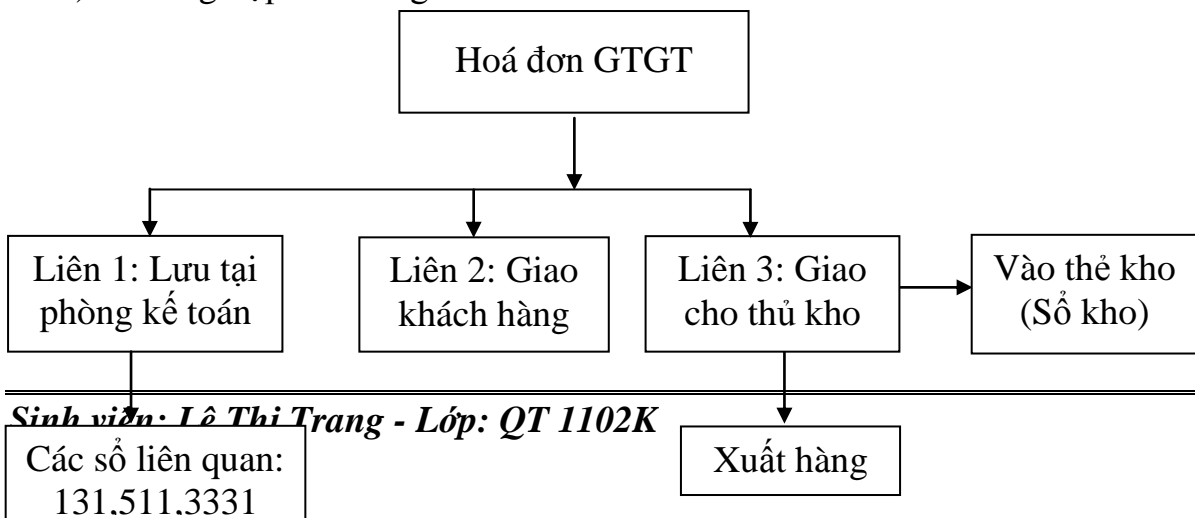
✓ *Trình tự luân chuyển chứng từ*

a) Trường hợp bán hàng thu tiền ngay



Phòng bán hàng lập Hoá đơn GTGT (gồm 3 liên). Liên 3 chuyển cho thủ kho, thủ kho viết phiếu xuất kho cho số hàng cần xuất, đồng thời căn cứ vào hoá đơn GTGT thủ kho ghi vào Sổ kho (số hàng xuất). Sau khi giao hàng cho khách, phòng bán hàng chuyển hoá đơn GTGT cho kế toán để viết phiếu thu và thu tiền.

b) Trường hợp bán hàng chưa thu tiền



Sau khi hợp đồng kinh tế được ký kết, phòng bán hàng lập hoá đơn GTGT (gồm 3 liên). Trong đó, liên 3 chuyển cho thủ kho, thủ kho căn cứ vào đó viết phiếu xuất kho cho hàng xuất, đồng thời thủ kho ghi vào Sổ kho. Sau đó, phòng bán hàng chuyển hoá đơn GTGT cho kế toán để ghi nhận doanh thu và theo dõi công nợ.

Ví dụ minh họa trường hợp bán hàng thu tiền ngay

Ngày 05/10/2010, công ty xuất bán hàng cho bà An, thanh toán ngay bằng tiền mặt. Giá bán là 2.550.000VNĐ (chưa có thuế GTGT 10%).

Mẫu 2.1: Hóa đơn GTGT số 0052311

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTGT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2010T		
Liên 3 (Nội bộ)			0052311		
Ngày 05 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Ngọc Tiến					
Địa chỉ: Tổ 6- Khu 9- Bãi Cháy- Hạ Long- Quảng Ninh					
Số Tài khoản:					
Điện thoại:MST : 5700603468					
Họ tên người mua hàng: Bà An					
Tên đơn vị: Khách lẻ					
Địa chỉ:					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: ... TM MST:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bóng huỳnh quang 1m2	thùng	2	400.000	800.000
2	Bóng tròn 25W	thùng	1	450.00	450.000
3	Bóng nấm mờ 40W	thùng	2	650.00	1.300.000
					2.550.000
Thuế suất GTGT: 10%.... Tiền thuế GTGT:					255.000

Khoá luận tốt nghiệp

Tổng cộng tiền thanh toán :		2.805.000
Số tiền viết bằng chữ : Hai triệu tám trăm linh năm nghìn đồng chẵn.		
Người mua hàng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	Thủ trưởng đơn vị <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>

Mẫu 2.2: Phiếu xuất kho số 762

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :01- VT

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Số: **762**

Tk nợ	Tk có	Số tiền
632	156	2.190.000
		2.190.000

- Họ tên người nhận hàng: Phạm Ngọc An.

- Xuất bán hàng cho khách lẻ.

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bóng huỳnh quang 1m ²		thùng	2	2	350.000	700.000
2	Bóng tròn 25W		thùng	1	1	370.000	370.000
3	Bóng nấm mờ 40W		thùng	2	2	560.000	1.120.000
Cộng		x	x	x	x	x	2.190.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT

Xuất, ngày 05 tháng 10 năm 2010.

Người lập phiếu

Người nhận hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Mẫu 2.3: Phiếu thu số 744

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S01-TT

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN (Ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu thu số: 744

PHIẾU THU	tk nợ	tk có	Số tiền
Ngày 05 tháng 10 năm 2010	111	511	2.550.000
	111	3331	255.000
			2.805.000

Họ tên người nộp tiền: Phạm Ngọc An.

Địa chỉ: Khách lẻ.

Lý do thu tiền: Thu tiền của bà An.

Số tiền: **2.805.000 VNĐ.**

Viết bằng chữ: Hai triệu tám trăm linh năm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: ...01. chứng từ gốc.

Ngày 05 tháng 10 năm 2010.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập	Người nộp
<i>(Ký, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	phiếu	tiền
			<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Căn cứ vào hoá đơn GTGT số **0052311** (Mẫu 2.1), Phiếu xuất kho số **762** (Mẫu 2.2) và phiếu thu số **744** (Mẫu 2.3), kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2).

(Biểu 2.2- Trang bên)

Biểu 2.2: Sổ Nhật ký chung

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :03a- DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010 (Trích)

Đơn vị tính : VNĐ

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
MH	Ngày	Số		Nợ	Có	
Phát sinh tháng 10						
.....
PT 741	5/10/2010	PT 741	Công ty XD Hoàng Hà ứng trước tiền hàng	1111	131	25.000.000
PX 762	5/10/2010	PX 762	Xuất bán đồ điện	632	156	2.190.000
PT 744	5/10/2010	PT 744	Thu tiền bán đồ điện cho khách lẻ	1111	5111	2.550.000
			Thuế GTGT đầu ra	1111	3331	255.000
PN 720	06/10/2010	PN 720	Nhập kho sơn của công ty TNHH ICI-Vietnam	156	1121	103.777.137
			Thuế GTGT đầu vào	1331	1121	10.377.714
.....
PX 776	10/10/2010	PX 776	Xuất bán sơn	632	156	103.010.129
0052335	10/10/2010	0052335	Bán sơn cho công ty Hoàng Hà	131	5111	127.529.500
			Thuế GTGT đầu ra	131	3331	12.752.950
PX 777	10/10/2010	PX 777	Xuất bán sơn	632	156	82.965.137
NH 632	10/10/2010	NH 632	Bán hàng cho công ty TNHH Mai Phương	1121	5111	98.432.000
			Thuế GTGT đầu ra	1121	3331	9.843.200
PC 745	10/10/2010	PC 745	Chi tiền tiếp khách	642	1111	5.000.000
.....
PC 754	16/10/2010	PC 754	Chi tiền làm biển quảng cáo	641	1111	5.000.000
.....
PC 769	20/10/2010	PC 769	Chi phí tiền nộp phạt thuế	811	1111	55.000
PN 762	20/10/2010	PN 762	Hưởng hàng khuyến mại của công ty TNHH An Duyệt	156	711	368.000
.....
NH 665	22/10/2010	NH 665	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng VIBank	1121	515	970.366
.....
NH 667	24/10/2010	NH 667	Trả lãi vay cho ngân hàng ACB	635	1121	6.467.145
Cộng chuyển sang trang sau						6.605.110.243

Khoá luận tốt nghiệp

Chứng từ			Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền
MH	Ngày	Số		Nợ	Có	
Số trang trước chuyển sang						6.605.110.243
.....
PC 672	26/10/2010	PC 672	Thanh toán lãi vay cho ông Phạm Thành Hiếu	635	1111	2.500.000
NH 678	27/10/2010	NH 678	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng Đầu tư và phát triển	1121	515	1.258.878
PC 775	27/10/2010	PC 775	Chi tiền điện thoại tháng 10	642	1111	975.157
.....
BL	31/10/2010	BL	Lương phải trả nhân viên bán hàng	641	334	36.000.000
BL	31/10/2010	BL	Các khoản trích theo lương tính vào chi phí bán hàng	641	338	7.920.000
BL	31/10/2010	BL	Các khoản giảm trừ vào lương nhân viên	334	338	3.060.000
KH TSCĐ	31/10/2010	KH TSCĐ	Trích KHTSCĐ tháng 10	642	2141	8.880.366
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển doanh thu	511	911	3.923.960.833
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	2.229.244
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển giá vốn	911	632	3.752.845.285
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	54.575.734
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển Chi phí QLDN	911	642	58.362.417
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển Chi phí tài chính	911	635	8.967.145
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển Thu nhập khác	711	911	368.000
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển Chi phí khác	911	811	55.000
KC	31/10/2010	KC	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	12.938.124
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển Chi phí thuế TNDN	911	821	12.938.124
KC	31/10/2010	KC	Kết chuyển lãi	911	4212	38.814.372
Cộng phát sinh						15.888.211.670

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Từ sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), kế toán ghi nhận tiếp vào Sổ cái TK 511 (vào ngày 05/10/2010) để ghi nhận doanh thu bán hàng.

Biểu 2.3: Sổ cái TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh trong tháng 10			
				
05/10	PT 743	Thu tiền bán đồ điện	1111		678.500
05/10	PT 744	Thu tiền bán đồ điện	1111		2.550.000
				
10/10	0052335	Bán sơn cho công ty Hoàng Hà	131		127.529.500
10/10	NH 632	Bán sơn cho công ty TNHH Mai Phương	1121		98.432.000
				
31/12	KC	K/c doanh thu bán hàng	911	3.923.960.833	
		Cộng số phát sinh		3.923.960.833	3.923.960.833
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Từ sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), kế toán ghi tiếp vào Sổ cái TK 333 (ngày 05/10/2010) để phản ánh khoản thuế đầu ra của hàng bán ra.

Biểu 2.4: Sổ cái TK 333 “Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 333- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			640.000
		Số phát sinh trong tháng 10			
				
05/10	PT 743	Thuế GTGT đầu ra bán đồ điện	1111		67.850
05/10	PT 744	Thuế GTGT đầu ra bán đồ điện	1111		255.000
				
10/10	0052335	Thuế GTGT đầu ra bán sơn	131		12.752.950
10/10	NH 632	Thuế GTGT đầu ra bán sơn	1121		9.843.200
				
31/12	KC	K/c thuế GTGT	133	77.563.179	
31/12	KC	Xác định thuế TNDN phải nộp	821		12.938.124
		Cộng số phát sinh		77.563.179	96.576.271
		Số dư cuối tháng 10			19.653.092

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Từ sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), kế toán ghi nhận vào Sổ cái TK 111 (ngày 05/10/2010) để phản ánh khoản tiền thu được từ việc bán hàng. Đồng thời với việc ghi vào sổ cái các TK, kế toán ghi nhận vào Sổ chi tiết TK 51111- Doanh thu bán đồ điện (Biểu 2.6).

Biểu 2.5: Sổ cái TK 111 “Tiền mặt”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2010
Tài khoản: 111- Tiền mặt

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			<u>85.455.659</u>
		Số phát sinh trong tháng 10			
				
05/10	PT741	Công ty XD Hoàng Hà ứng trước tiền hàng.	111	25.000.000	
05/10	PT 744	Thu tiền bán đồ điện	51111 3331	2.550.000 255.000	
				
10/10	PC 745	Chi tiền tiếp khách	642		5.000.000
				
		Cộng số phát sinh		2.923.421.442	2.895.745.671
		Số dư cuối tháng 10			<u>113.131.430</u>

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6: Sổ chi tiết tài khoản 51111 “Doanh thu bán đồ điện”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

Mẫu số :S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tháng 10 năm 2010
Tài khoản: 51111- Doanh thu bán đồ điện

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			-		
		Số phát sinh trong tháng 10					
PT 743	05/10	Thu tiền bán đồ điện	1111		678.500		
PT744	05/10	Thu tiền bán đồ điện	1111		2.550.000		
						
0052342	11/10	Bán hàng cho công ty TM Thái Dương	131		1.139.091		
						
KC	31/10	K/c doanh thu bán đồ điện	911	971.240.021			
		Số phát sinh		971.240.021	971.240.021		
		Số dư cuối tháng 10					-

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ví dụ minh họa trường hợp bán hàng chưa thu tiền

Ngày 10/10/2010, bán sơn cho công ty xây dựng Hoàng Hà. Giá bán đã có thuế GTGT 10% là 140.282.450 VNĐ, chưa thu tiền của khách hàng.

Mẫu 2.4: Hóa đơn GTGT số 0052335

HÓA ĐƠN			Mẫu số : 01 GTGT- 3LL		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			AA/2010T		
Liên 3: (Nội bộ)			0052335		
Ngày 10 tháng 10 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Ngọc Tiến.					
Địa chỉ: Tổ 6- khu 9- Phường Bãi Cháy- Hạ Long- Quảng Ninh.					
Số Tài khoản: 10800035071146 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Bãi Cháy- Quảng Ninh.					
Điện thoại:MST : 5700603468					
-Họ tên người mua hàng: Phạm Quảng Phong.					
-Tên đơn vị: Công ty XD Hoàng Hà.					
-Địa chỉ: Cẩm Phú- Cẩm Phả- Quảng Ninh.					
-Số tài khoản: 13822235078014 tại ngân hàng Hàng Hải Việt Nam- Chi nhánh Cẩm Phả- Quảng Ninh.					
-Hình thức thanh toán: MST: 5700398271					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Sơn A918- 5L	thùng	50	655.600	32.780.000
2	Sơn A918- 2P- 5L	thùng	100	580.000	58.000.000
3	Sơn A918- 3P- 5L	thùng	10	586.000	5.860.000
4	Sơn A920- 4P- 5L	thùng	7	578.500	4.049.500
5	Sơn A920- 5P- 5L	thùng	40	521.300	20.852.000
6	Sơn A920- 5P- 1L	thùng	60	99.800	5.988.000
					127.529.500
Thuế suất GTGT: 10%.... Tiền thuế GTGT:					12.752.950
Tổng cộng tiền thanh toán :					140.282.450
Số tiền viết bằng chữ : Một trăm bốn mươi triệu hai trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm năm mươi đồng.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Mẫu 2.5: Phiếu xuất kho số 776

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

Mẫu số :02- VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 10 năm 2010

Số: 776

Tk nợ	Tk có	Số tiền
632	156	103.010.129
		103.010.129

- Họ tên người nhận hàng: Phạm Quảng Phong.
- Xuất bán trực tiếp cho công ty XD Hoàng Hà.
- Xuất tại kho: Bãi Cháy.

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sơn A918- 5L		Thùng	50	50	513.636	25.681.800
2	Sơn A918- 2P- 5L		Thùng	100	100	479.251	47.925.100
3	Sơn A918- 3P- 5L		Thùng	10	10	466.072	4.660.720
4	Sơn A920- 4P- 5L		Thùng	07	07	457.527	3.202.689
5	Sơn A920- 5P- 5L		Thùng	40	40	410.901	16.436.040
6	Sơn A920- 5P- 1L		Thùng	60	60	85.063	5.103.780
Cộng		x	X	x	x	x	103.010.129

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm linh ba triệu không trăm mười nghìn một trăm hai mươi chín đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT.

Xuất, ngày 10 tháng 10 năm 2010.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Từ hoá đơn GTGT số **0052335** và Phiếu xuất kho số **776**, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK511 (Biểu 2.3), sổ cái TK 333 (Biểu 2.4) và sổ cái TK 131 (Biểu 2.7); đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 51112- Doanh thu bán sơn (Biểu 2.8).

Biểu 2.7: Sổ cái TK 131 “ Phải thu của khách”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 131- Phải thu của khách

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10		<u>32.209.500</u>	
		Số phát sinh trong tháng 10			
				
05/10	PT 741	Công ty Hoàng Hà ứng trước tiền hàng	1111		25.000.000
				
10/10	0052335	Bán sơn cho công ty Hoàng Hà	51112	127.529.500	
			3331	12.752.950	
				
		Cộng số phát sinh		1.062.628.423	1.046.616.388
		Số dư cuối tháng 10		<u>48.221.535</u>	

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.8: Sổ chi tiết tài khoản 51112 “Doanh thu bán sơn”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIỀN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

Mẫu số :S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tháng 10 năm 2010
Tài khoản: 51112- Doanh thu bán sơn

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
Số hiệu	Ngày			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			-		
		Số phát sinh trong tháng 10					
0052335	10/10	Bán sơn cho công ty Hoàng Hà	131		127.529.500		
NH 632	10/10	Bán sơn cho công ty TNHH Mai Phương	1121		98.432.000		
						
KC	31/10	K/c doanh thu bán sơn	911	2.952.720.812			
		Số phát sinh		2.952.720.812	2.952.720.812		
		Số dư cuối tháng 10					-

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

Công ty TNHH Ngọc Tiên tính giá hàng bán theo phương pháp FIFO (Nhập trước- Xuất trước). Trị giá vốn của hàng hoá được mua về để xuất bán:

$$\text{Trị giá thực tế hàng nhập} = \text{Trị giá hàng ghi trên hoá đơn} + \text{Chi phí thu mua thực tế PS} - \text{CKTM, giảm giá hàng mua được hưởng}$$

✱ *Tài khoản sử dụng*

- TK 632 : Giá vốn hàng bán

✱ *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 632, các sổ kế toán khác liên quan.

Khi khách hàng mua hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT, sau đó chuyển xuống thủ kho để thủ kho viết Phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu
- Liên 2: Giao cho khách hàng
- Liên 3: Thủ kho giữ để ghi vào Thẻ kho, sau đó chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ kế toán

✱ *Ví dụ minh họa (lấy lại ví dụ phần doanh thu bán hàng)*

1. Ngày 05/10/2010, công ty xuất bán hàng cho bà An, thanh toán ngay bằng tiền mặt. Giá bán là 2.550.000VNĐ (chưa có thuế GTGT 10%).

2. Ngày 10/10/2010, bán sơn cho công ty xây dựng Hoàng Hà. Giá bán đã có thuế GTGT 10% là 140.282.450 VNĐ, chưa thu tiền của khách hàng.

Mẫu 2.2: Phiếu xuất kho số 762

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

Mẫu số :01- VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 10 năm 2010

Số: **762**

Tk nợ	Tk có	Số tiền
632	156	2.190.000
		2.190.000

- Họ tên người nhận hàng: Phạm Ngọc An

- Xuất bán hàng cho khách lẻ

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bóng huỳnh quang 1m2		thùng	2	2	350.000	700.000
2	Bóng tròn 25W		thùng	1	1	370.000	370.000
3	Bóng năm mờ 40W		thùng	2	2	560.000	1.120.000
Cộng		x	x	x	x	x	2.190.000

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu một trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT

Xuất, ngày 05 tháng 10 năm 2010.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Khóa luân tốt nghiệp

Mẫu 2.5: Phiếu xuất kho số 776

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

Mẫu số :02- VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 10 năm 2010

Số: 776

Tk nợ	Tk có	Số tiền
632	156	103.010.129
		103.010.129

- Họ tên người nhận hàng: Phạm Quang Phong
- Xuất bán trực tiếp cho công ty XD Hoàng Hà
- Xuất tại kho: Bãi Cháy

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Sơn A918- 5L		Thùng	50	50	513.636	25.681.800
2	Sơn A918- 2P- 5L		Thùng	100	100	479.251	47.925.100
3	Sơn A918- 3P- 5L		Thùng	10	10	466.072	4.660.720
4	Sơn A920- 4P- 5L		Thùng	07	07	457.527	3.202.689
5	Sơn A920- 5P- 5L		Thùng	40	40	410.901	16.436.040
6	Sơn A920- 5P- 1L		Thùng	60	60	85.063	5.103.780
Cộng		x	X	x	x	x	103.010.129

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm linh ba triệu không trăm mười nghìn một trăm hai mươi chín đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT.

Xuất, ngày 10 tháng 10 năm 2010.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Khóa luân tốt nghiệp

Căn cứ vào phiếu xuất kho số **762** (Mẫu 2.2) và phiếu xuất kho số **776** (Mẫu 2.5), kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái TK632 (Biểu 2.9).

Biểu 2.9: Sổ cái TK 632 “Giá vốn hàng bán”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh trong tháng 10			
				
05/10	PX 762	Xuất bán đồ điện	156	2.190.000	
				
10/10	PX 776	Xuất bán sơn	156	103.010.129	
10/10	PX 777	Xuất bán sơn	156	82.965.137	
				
31/10		K/c giá vốn hàng bán	911		3.752.845.285
		Cộng số phát sinh		3.752.845.285	3.752.845.285
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là khoản chi phí doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ trong kỳ như: Chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo, chi phí tiền lương trả nhân viên bán hàng, các khoản chi phí trích theo lương, trích khấu hao TSCĐ ở bộ phận bán hàng và các chi phí khác bằng tiền phục vụ cho công tác bán hàng.

✧ *Tài khoản sử dụng*

- TK 641 : Chi phí bán hàng

✧ *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 641.
- Các sổ kế toán khác liên quan.

✧ *Ví dụ minh hoạ*

Ngày 16/10/2010, Công ty chi tiền làm biên quảng cáo số tiền 5.000.000 VNĐ.

(Phiếu chi số 754- Trang bên).

Mẫu 2.6: Phiếu chi số 754

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S02-TT

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu chi số: 754

PHIẾU CHI	Tk nợ	Tk có	Số tiền
Ngày 16 tháng 10 năm 2010	641	1111	5.000.000
			5.000.000

Họ tên người nhận tiền: Trần Văn Quang

Địa chỉ: Công ty quảng cáo Văn Anh

Lý do chi tiền: Chi tiền làm biển quảng cáo

Số tiền: **5.000.000 VNĐ**

Viết bằng chữ: Năm triệu đồng chẵn.

Kèm theo:...01. Chứng từ gốc

Ngày 16 tháng 10 năm 2010.

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nộp
tiền**
(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào phiếu chi số **754**, kế toán ghi nhận nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 641 (Biểu 2.10) và các sổ kế toán khác có liên quan.

Biểu 2.10: Sổ cái TK 641 “Chi phí bán hàng”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Năm 2010
Tài khoản: **641- Chi phí bán hàng**

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh trong tháng 10			
				
16/10	PC 754	Chi tiền làm biển quảng cáo	1111	5.000.000	
				
31/10	BL 10/2010	Lương phải trả nhân viên bán hàng	334	36.000.000	
31/10	KC	K/c chi phí QLDN	911		54.575.734
		Cộng số phát sinh		54.575.734	54.575.734
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các chi phí liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp. Nội dung của chi phí quản lý doanh nghiệp gồm: chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định phục vụ quản lý, chi phí lương của cán bộ quản lý công ty và các chi phí khác bằng tiền phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp.

✱ *Tài khoản sử dụng*

- TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp.

✱ *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Hoá đơn GTGT mua hàng hoá, dịch vụ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 642.

Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, căn cứ vào các chứng từ liên quan kế toán ghi nhận số liệu, định khoản nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, Sổ cái TK 642 và các sổ kế toán có liên quan khác.

✱ *Ví dụ minh họa*

Ngày 27/10/2010, Công ty thanh toán tiền cước điện thoại tháng 10/2010, số tiền 1.072.673 VNĐ (đã có thuế GTGT 10%).

Mẫu 2.7: Hoá đơn dịch vụ viễn thông

HOÁ ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG(GTGT)
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (GTGT)

Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01 GTGT-3LL

Ký hiệu: BH/2010T

Số: 0086049

Đơn vị bán hàng: Trung tâm viễn thông Bãi Cháy- Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số 12 Vườn Đào – Bãi Cháy.

Mã số thuế: 5700101436.

Tên khách hàng: Công ty TNHH Ngọc Tiến.

Mã số thuế: 5700603468.

Địa chỉ: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt.

STT	Diễn giải	Số tiền (đồng)
	Cước CPN tháng 10/2010	975.157
Cộng tiền hàng:		975.157
Thuế suất: 10%	Tiền thuế GTGT:	97.516
Tổng cộng tiền thanh toán:		1.072.673

Số tiền bằng chữ: Một triệu không trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010.

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Giao dịch viên

(Ký, họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)

Mẫu 2.8: Phiếu chi số 775

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

Mẫu số :S02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu chi số: 775

PHIẾU CHI

Ngày 27 tháng 10 năm 2010

TK nợ	TK có	Số tiền
642	1111	975.157
1331	1111	97.516
		1.072.673

Họ tên người nhận tiền:

Địa chỉ: Bưu điện Bãi Cháy.

Lý do chi tiền: Trả tiền điện thoại tháng 10.

Số tiền: **1.072.673 VNĐ.**

Viết bằng chữ: Một triệu không trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng.

Kèm theo:...01 chứng từ gốc.

Ngày 27 tháng 10 năm 2010.

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp
tiền
(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào hoá đơn dịch vụ viễn thông số **0086049** và phiếu chi số **775**, kế toán ghi nhận nghiệp vụ này vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung ghi nhận vào sổ cái TK 642 (Biểu 2.11) và các sổ kế toán khác liên quan.

Biểu 2.11: Sổ cái TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh trong tháng 10			
				
10/10	PC 745	Chi tiền tiếp khách	1111	5.000.000	
				
27/10	PC 775	Trả tiền điện thoại tháng 10	1111	975.157	
31/10	KH TSCĐ	Trích khấu hao TSCĐ tháng 10	2141	8.880.366	
				
31/10	KC	K/c chi phí QLDN	911		58.362.417
		Cộng số phát sinh		58.362.417	58.362.417
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Về hoạt động tài chính, công ty không có hoạt động tài chính mà nội dung trên tài khoản chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay, và doanh thu tài chính cũng chủ yếu là lãi từ tài khoản tiền gửi ngân hàng. Con số này chiếm tỷ trọng không nhiều trong tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

✧ *Tài khoản sử dụng*

- TK 515 : Doanh thu tài chính.
- TK 635 : Chi phí tài chính.

✧ *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 515, TK 635.

✧ *Ví dụ minh họa về doanh thu hoạt động tài chính:*

Ngày 22/10/2010, nhập lãi tài khoản tiền gửi Ngân hàng VIBank, số tiền là 970.366VNĐ.

✧ *Ví dụ minh họa về chi phí tài chính:*

Phiếu chi số 772 ngày 26/10/2010, công ty trả lãi vay cho ông Phạm Thành Hiếu, số tiền là 2.500.000VNĐ.

Mẫu 2.9: Giấy Báo Có

VIBank NGÂN HÀNG QUỐC TẾ	GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE	Liên 2: Giao cho khách hàng For customer Số (No.) DD050012 Ngày (date) 22/10/2010					
Chi nhánh (Branch name):	Chi nhánh Bãi Cháy						
Mã số thuế (Branch tax code):	0200124891-003-1						
Số tài khoản: Account No.	<table border="1"><tr><td>051</td><td>01</td><td>01</td><td>000113</td><td>1</td></tr></table>	051	01	01	000113	1	
051	01	01	000113	1			
Tên tài khoản (Account name):	CTY TNHH NGOC TIEN						
Mã số thuế (Tax code):	5700603468						
Nội dung: Narrative	NHAP LAI VAO GOC TK TIEN GUI						
Số tiền bằng chữ: Credit amount in words	Số tiền (Credit amount in figures & ccy code): 970.366 VND						
Chín trăm bảy mươi nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng.							
	Số dư (Ledger Balance & ccy):	114.683.456VND					
GIAO DỊCH VIÊN/ NV NGHIỆP VỤ User ID EOD5763		KIỂM SOÁT Supervisor ID					

Mẫu 2.10: Phiếu thu tiền gửi ngân hàng

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN		
ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN		
		Số phiếu: 665 Tài khoản Nợ: 1121
PHIẾU THU TIỀN GỬI NGÂN HÀNG <i>Ngày 22 tháng 10 năm 2010</i>		
Người nộp tiền:		
Đơn vị:	NHQT – Ngân hàng Quốc tế	
Địa chỉ:	VIB – CN Bãi Cháy	
Về khoản:	Thu lãi tiền gửi NH VIBank nhập vốn T10/2010	
Nội dung	Tài khoản	Số tiền
Thu lãi tiền gửi NH VIBank nhập vốn	515 – Lãi tiền cho vay, tiền gửi Ngân hàng	970.366
		Tổng cộng số tiền: 970.366
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.		<i>Chín trăm bảy mươi nghìn ba trăm sáu mươi sáu đồng.</i>
		<i>Ngày 22 tháng 10 năm 2010.</i>
KẾ TOÁN TRƯỞNG <i>(Ký, họ tên)</i>	THỦ QUỸ <i>(Ký, họ tên)</i>	NGƯỜI LẬP BIỂU <i>(Ký, họ tên)</i>

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào giấy báo Có số **DD050012** của ngân hàng VIBank và phiếu thu tiền gửi ngân hàng số **665**, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung ghi nhận vào sổ cái TK 515 (Biểu 2.12) và các sổ kế toán khác có liên quan.

Biểu 2.12: Sổ cái TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh trong tháng 10			
22/10	NH 665	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng VIBank	1121		970.366
27/10	NH 678	Nhập lãi tiền gửi ngân hàng Đầu tư và phát triển	1121		1.258.878
31/10	KC	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC	911	2.229.244	
		Cộng số phát sinh		2.229.244	2.229.244
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu 2.11: Phiếu chi số 772

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S02-TT

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu chi số: 772

PHIẾU CHI

Tk nợ	Tk có	Số tiền
635	1111	2.500.000
		2.500.000

Ngày 26 tháng 10 năm 2010

Họ tên người nhận tiền: Phạm Thành Hiếu.

Địa chỉ:

Lý do chi tiền: Thanh toán tiền lãi vay.

Số tiền: **2.500.000 VNĐ.**

Viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:...01 chứng từ gốc.

Ngày 26 tháng 10 năm 2010.

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập
phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp
tiền
(Ký, họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

Căn cứ vào phiếu chi số **772**, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung ghi nhận vào sổ cái TK 635 (Biểu 2.13) và các sổ kế toán khác có liên quan.

Biểu 2.13: Sổ cái TK 635 “Chi phí tài chính”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 635- Chi phí tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh trong tháng 10			
24/10	NH 667	Trả lãi vay cho ngân hàng ACB	1121	6.467.145	
26/10	PC 772	Thanh toán lãi vay cho ông Phạm Thành Hiếu	1111	2.500.000	
31/10	KC	Kết chuyển chi phí tài chính	911		8.967.145
		Cộng số phát sinh		8.967.145	8.967.145
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Thu nhập khác là các khoản thu nằm ngoài các khoản thu kể trên. Tại công ty khoản thu nhập khác của công ty phát sinh không nhiều. Trong năm 2010 thu nhập hoạt động khác của công ty là từ khoản được hưởng hàng khuyến mại và thu tiền của khách hàng do vi phạm hợp đồng.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Cũng giống như thu nhập khác, chi phí cho hoạt động khác của công ty cũng chỉ là một con số nhỏ chủ yếu là chi phí từ việc xử lý công nợ và chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

✧ *Tài khoản sử dụng*

- TK 711 : Thu nhập khác.
- TK 811 : Chi phí khác.

✧ *Chứng từ, sổ sách sử dụng*

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu thu, Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 711, TK 811.

✧ *Ví dụ minh họa về thu nhập khác*

Ngày 20/10/2010, hưởng hàng khuyến mại của công ty TNHH An Duy, trị giá số hàng là 368.000VNĐ (Số hàng được hưởng khuyến mại, công ty tiến hành nhập kho và ghi nhận là khoản thu nhập khác).

✧ *Ví dụ minh họa về chi phí khác*

Ngày 20/10/2010, Công ty chi tiền nộp phạt thuế cho chi cục thuế, số tiền 55.000VNĐ (Phiếu chi số 769).

(Mẫu 2.12 - Trang bên)

Khóa luận tốt nghiệp

Mẫu 2.12: Hóa đơn GTGT số 0148245

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2 (Giao khách hàng) Ngày 20 tháng 10 năm 2010			Mẫu số : 01 GTGT- 3LL AA/2010T 0148245		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH An Duy. Địa chỉ: 37 Vườn Đào- Bãi Cháy- Quảng Ninh. Số Tài khoản: Điện thoại:MST : 5700155480					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH Ngọc Tiến. Địa chỉ: Tổ 6- Khu 9- Bãi Cháy- Hạ Long- Quảng Ninh. Số tài khoản: Hình thức thanh toán: MST: 5700603468					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Bóng tròn 25W	bóng	30	3.700	111.000
2	Bóng năm mờ 40W	bóng	20	5.600	112.000
3	Bóng compac 9W	bóng	13	6.700	87.000
4	Ổ cắm chôn tường	cái	08	7.250	58.000
(Hàng khuyến mại không bán)					
					368.000
Thuế suất GTGT: Tiền thuế GTGT:					
Tổng cộng tiền thanh toán :					368.000
Số tiền viết bằng chữ : Ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

Mẫu 2.13: Phiếu nhập kho số 762

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :01- VT

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

Số: 762

Tk nợ	Tk có	Số tiền
156	711	368.000
		368.000

- Họ tên người giao hàng: Hải Nam.
- Theo HĐGTGT số **0148245** ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Công ty TNHH An Duy.
- Nhập kho: Bãi Cháy.

Số TT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo CT	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bóng tròn 25W		bóng	30	30	3.700	111.000
2	Bóng năm mờ 40W		bóng	20	20	5.600	112.000
3	Bóng compac 9W		bóng	13	13	6.700	87.000
4	Ổ cắm chôn tường		cái	08	08	7.250	58.000
Cộng		x	x	X	X	x	368.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn.
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐGTGT.

Nhập, ngày 20 tháng 10 năm 2010.

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Khóa luân tốt nghiệp

Căn cứ hoá đơn GTGT số **0148245** và phiếu nhập kho số **762**, kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung ghi nhận vào sổ cái TK 711 (Biểu 2.14) và các sổ kế toán khác có liên quan.

Biểu 2.14: Sổ cái TK 711 “Thu nhập khác”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 711- Thu nhập khác

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh tháng 10			
20/10	PNK 762	Nhập kho hàng khuyến mại	156		368.000
31/10	KC	K/c thu nhập khác	911	368.000	
		Cộng số phát sinh		368.000	368.000
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu 2.14: Phiếu chi số 769

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S02-TT

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Phiếu chi số: 769

PHIẾU CHI	Tk nợ	Tk có	Số tiền
Ngày 20 tháng 10 năm 2010	811	1111	55.000
			55.000

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Quang Hưng.

Địa chỉ: Chi cục thuế Quảng Ninh.

Lý do chi tiền: Chi tiền nộp phạt thuế.

Số tiền: **55.000 VNĐ.**

Viết bằng chữ: Năm mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo:...01. chứng từ gốc.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010.

Giám đốc (Ký, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nộp tiền (Ký, họ tên)
-----------------------------------	---------------------------------------	--------------------------------	--	---

Khóa luân tốt nghiệp

Căn cứ phiếu chi số **769** (Mẫu 2.14), kế toán ghi nhận nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.2), từ sổ Nhật ký chung ghi nhận vào sổ cái TK811 (Biểu 2.15) và các sổ kế toán khác có liên quan.

Biểu 2.15: Sổ cái TK 811 “Chi phí khác”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 811- Chi phí khác

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh tháng 10			
20/10	PC 769	Chi tiền nộp phạt thuế	111		55.000
31/10	KC	K/c chi phí khác	911	55.000	
		Cộng số phát sinh		55.000	55.000
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

✓ **Tài khoản sử dụng**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

✓ **Sổ sách sử dụng**

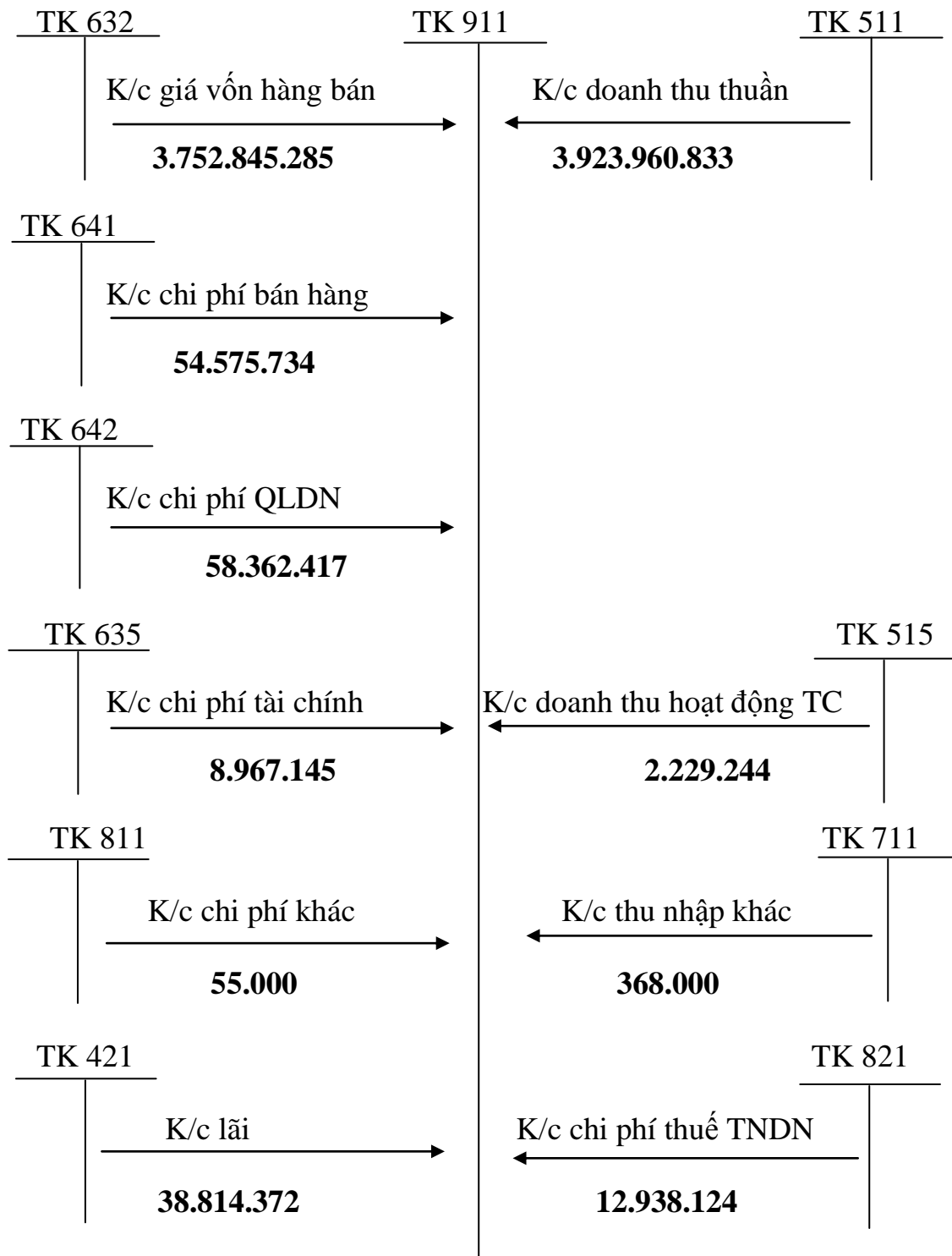
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các TK liên quan: 911, 821, 421, 641, 642, 632, 511,...

✓ **Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh**

Công ty TNHH Ngọc Tiến tiến hành xác định kết quả kinh doanh chung cho tất cả các loại hoạt động kinh doanh trong Công ty theo tháng. Kết quả kinh doanh của Công ty được xác định bằng cách kết chuyển toàn bộ doanh thu thuần và giá vốn của việc bán hàng hóa, dịch vụ cùng với chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, doanh thu và chi phí hoạt động tài chính, lợi nhuận và chi phí khác sang TK 911. Chênh lệch giữa bên Nợ và bên Có của TK 911 sẽ là lãi hoặc lỗ của hoạt động kinh doanh và được kết chuyển sang Sổ Cái TK 421.

(Sơ đồ 2.4- Trang bên)

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tháng 10/2010



Biểu 2.15: Sổ cái TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh tháng 10			
31/10	KC	KC doanh thu bán hàng	511		3.923.960.833
31/10	KC	KC DT hoạt động tài chính	515		2.229.244
31/10	KC	KC thu nhập khác	711		368.000
31/10	KC	KC giá vốn hàng bán	632	3.752.845.285	
31/10	KC	KC chi phí BH	641	54.575.734	
31/10	KC	KC chi phí QLDN	642	58.362.417	
31/10	KC	KC chi phí tài chính	635	8.967.145	
31/10	KC	KC chi phí khác	811	55.000	
31/10	KC	KC chi phí thuế TNDN	821	12.938.124	
31/10	KC	KC lãi	421	38.814.372	
		Cộng số phát sinh		3.926.558.077	3.926.558.077
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.16: Sổ cái TK 821 “Chi phí thuế TNDN”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 821- Chi phí thuế TNDN

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng 10			
		Số phát sinh tháng 10			
31/10	KC	Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp	3334	12.938.124	
31/10	KC	K/c chi phí thuế TNDN	911		12.938.124
		Cộng số phát sinh		12.938.124	12.938.124
		Số dư cuối tháng 10			

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.17: Sổ cái TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối”

CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Mẫu số :S03b-DN

ĐC: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm 2010

Tài khoản: 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu năm			<u>95.916.720</u>
				
		Số dư đầu tháng 10			45.625.058
		Số phát sinh tháng 10			
31/10	KC	Kết chuyển lãi	911		38.814.372
		Cộng số phát sinh		-	38.814.372
		Số dư cuối tháng 10			84.439.430

Ngày 31 tháng 10 năm 2010.

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Chương 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

3.1.1 Đánh giá chung

Công ty TNHH Ngọc Tiến tuy là công ty thương mại vừa và nhỏ nhưng luôn có những chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh và ngày càng có chỗ đứng nhất định trên thị trường.

Ngày nay, khi nền kinh tế thị trường ngày càng đa dạng với nhiều thành phần kinh tế, nhiều loại hình công ty, nhiều phương thức kinh doanh, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Nếu các công ty không thích nghi được với những điều kiện khắt khe đó sẽ có nguy cơ rơi vào tình trạng phá sản, giải thể. Để giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được, Công ty luôn đề ra những phương hướng, giải pháp thích hợp nhằm bắt kịp với nền kinh tế thị trường. Điều đó có được là do Công ty đã biết nắm bắt và phân tích đúng đắn nhu cầu thị trường.

Công ty luôn cố gắng đẩy mạnh việc tìm kiếm những khách hàng mới, mở rộng phạm vi hoạt động, cải thiện cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc cho nhân viên. Vì vậy, kết quả kinh doanh hàng năm của công ty đều tăng lên rõ rệt, đó là do sự sáng tạo, năng động của ban Giám đốc và sự đoàn kết đồng lòng của các cán bộ công nhân viên Công ty.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu về Công ty được tiếp xúc với thực trạng công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng với sự giúp đỡ của các nhân viên phòng kế toán, em đã có điều kiện làm quen với thực tế đồng thời áp dụng, củng cố những kiến thức đã được học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và

xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Ngọc Tiến.

3.1.2 Ưu điểm

3.1.2.1 Hình thức kế toán áp dụng

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Với kết cấu đơn giản, dễ ghi chép hình thức này rất phù hợp với công tác kế toán tại doanh nghiệp, đảm bảo hệ thống kế toán của doanh nghiệp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quản lý kinh doanh, đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời cho công tác quản lý, ban Giám đốc của doanh nghiệp.

3.1.2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán được tổ chức có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng. Đội ngũ kế toán nhiệt tình, tâm huyết, luôn cố gắng trau dồi kiến thức và khả năng động với công việc. Hầu hết các kế toán viên đều có trình độ chuyên môn tương đối tốt, thích nghi nhanh với công việc. Trong quá trình làm việc luôn mạnh dạn đề xuất ý kiến, đưa ra trao đổi, bàn bạc các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ để hoàn thiện tổ chức công tác kế toán của Công ty.

3.1.2.3 Hệ thống chứng từ kế toán

Việc vận dụng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của Công ty được vận dụng theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/02/2006 của Bộ trưởng BTC).

3.1.2.4 Công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Trải qua một quá trình phát triển công ty đã dần hoàn thiện công tác hạch toán của mình. Công ty đã nắm bắt nhanh những thông tin kinh tế và những thay đổi mới về chế độ kế toán để áp dụng cho doanh nghiệp mình một cách phù hợp đặc biệt là vấn đề về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Hệ thống tài khoản và phương pháp hạch toán được áp dụng phù hợp với những quy định mới của Bộ tài chính. Hạch toán nhanh chóng, chính xác các nghiệp vụ kinh tế góp phần đảm bảo thống nhất và nhịp nhàng trong công tác hạch toán. Hơn nữa, bộ máy kế toán còn đáp ứng số liệu báo cáo kế toán phục vụ cho nhu cầu của ban lãnh đạo công ty.

3.1.3 Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm mà công ty đã đạt được, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vẫn còn một số nhược điểm cần hoàn thiện:

3.1.3.1 Việc luân chuyển, kiểm tra chứng từ

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng thời hạn quy định. Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ vì không có quy định nghiêm ngặt về thời gian giao nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý, dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

Việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ là điều kiện không thể thiếu được mang tính pháp lý. Tại công ty việc này được thực hiện thường xuyên hàng ngày nhưng vẫn có trường hợp hoá đơn luân chuyển đến khâu cuối cùng còn bị thiếu chữ ký của người nhận hàng hoặc chữ ký của thủ trưởng đơn vị.

3.1.3.2 Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty đã sử dụng các loại sổ chi tiết về doanh thu, giá vốn để theo dõi tình hình hàng hóa, dịch vụ được bán ra. Nhưng do đặc điểm kinh doanh của Công ty là doanh nghiệp thương mại vì vậy, số lượng các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng hoá phát sinh khá lớn. Mặt khác, trong quá trình ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ các chứng từ vào sổ kế toán có thể xảy ra sai sót.

3.1.3.3 Về phương thức hạch toán kế toán

Hiện nay, Công ty đã có sử dụng máy vi tính vào công tác kế toán. Tuy nhiên, hệ thống sổ sách và quá trình ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà chỉ mới xây dựng một số phần hành trên chương trình excel, word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động của công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay

khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá- hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy, công ty có sử dụng máy tính nhưng không sử dụng được hết lợi ích mà nó mang lại sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc sử dụng máy tính vào công tác kế toán.

3.1.3.4 Về phương thức tiêu thụ hàng hoá (hạn chế khác)

Trên thực tế có nhiều phương thức tiêu thụ giúp cho doanh nghiệp có thể đáp ứng nhu cầu và tạo sự hài lòng cho khách hàng khi mua hàng. Tại công ty TNHH Ngọc Tiên thì chỉ có phương thức bán hàng là xuất bán trực tiếp thông qua kho.

3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

3.2.1 Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán

Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu. Trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, các nhà quản lý doanh nghiệp luôn mong muốn được cung cấp những sản phẩm có tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận nhất và tiết kiệm chi phí đến mức có thể. Để làm được điều đó, đòi hỏi phải tổ chức khâu quản lý thật chặt chẽ và hiệu quả.

Mặt khác, Kế toán – tài chính giống như “quả tim” của doanh nghiệp nó cho biết được “tình trạng sức khỏe” của doanh nghiệp. Bộ máy kế toán yếu kém, thì tình hình hoạt động kinh doanh của công cũng không thể hiệu quả. Về lâu dài thì điều này là không tốt cho doanh nghiệp. Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty là hết sức cần thiết.

Tổ chức được bộ máy kế toán hiệu quả, sẽ giúp cho nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách kịp thời, chính xác. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển công ty và quyết định đầu tư đúng đắn,

đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

Để đạt hiệu quả trong việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý, phục vụ kịp thời cho việc chỉ đạo quá trình kinh doanh.

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đơn vị phải có đội ngũ nhân viên kế toán hiểu biết nghiệp vụ kế toán. Đặc biệt chú ý đến công tác trang bị phương tiện kỹ thuật, áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế.

- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tại Công ty TNHH Ngọc Tiến

Mặc dù công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty được tổ chức khá là khoa học và hiệu quả nhưng với mong muốn công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ngày càng được hoàn thiện hơn, đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu quản lý, em xin đưa ra một số kiến nghị như sau:

3.2.2.1 Về việc luân chuyển chứng từ

Quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty còn chậm, đặc biệt là việc luân chuyển chứng từ từ kho lên đến phòng tài vụ chậm trễ gây nhiều khó khăn, dồn công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt đến công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn, quy định đến ngày nhất định các phòng ban, kho phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách nhanh chóng, kịp thời nhất.

Cần kiểm tra chứng từ thật kỹ lưỡng, cẩn thận trước khi hạch toán kế toán,

Khóa luân tốt nghiệp

từ khâu lập chứng từ, luân chuyển chứng từ đến khi chứng từ đến tay kế toán.

3.2.2.2 Về tổ chức hệ thống sổ kế toán

Công ty nên mở thêm sổ Nhật ký bán hàng để theo dõi riêng biệt các loại hàng hoá, dịch vụ đem lại doanh thu; đồng thời có thêm tài liệu để đối chiếu, so sánh với các sổ kế toán chi tiết cũng như Sổ cái TK 511. Điều này hoàn toàn phù hợp với chế độ kế toán vừa khoa học lại vừa hợp lý, ngoài ra còn đảm bảo được tính chính xác đối với các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình bán hàng.

Đối với sổ Nhật ký bán hàng thì nên được kế toán phụ trách về hàng hoá tiến hành ghi chép song song với việc theo dõi ở các sổ chi tiết doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Biểu 3.1: Mẫu sổ Nhật ký bán hàng

Đơn vị:

Địa chỉ:

Mẫu số S03a4 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (Ghi Nợ)	Ghi Có TK doanh thu		
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hoá	Thành phẩm	Dịch vụ
A	B	C	D	1	2	3	4
			Số trang trước chuyển sang				
			Cộng chuyển sang trang sau				

- Sổ này có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mục đích của sổ Nhật ký bán hàng là dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp như: Bán hàng hoá, bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ.

Sổ Nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau (bán chịu) hoặc trường hợp khi người mua ứng tiền trước khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng cũng ghi vào sổ này.

• *Kết cấu và cách ghi sổ*

- Cột A: Ghi ngày, tháng ghi sổ.
- Cột B, C: Ghi số hiệu, ngày tháng lập của chứng từ dùng làm căn cứ ghi sổ.
- Cột D: Ghi tóm tắt nội dung nghiệp vụ phát sinh của chứng từ kế toán.
- Cột 1: Ghi số tiền phải thu từ người mua theo doanh thu bán hàng.
- Cột 2, 3, 4: Mở theo yêu cầu của doanh nghiệp để ghi doanh thu theo từng loại nghiệp vụ như: Bán hàng hoá, bán thành phẩm, bán bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ,... Trường hợp doanh nghiệp mở sổ này cho từng loại doanh thu: Bán hàng hoá, bán thành phẩm, bán bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ,... thì các cột này có thể dùng để ghi chi tiết cho từng loại hàng hoá, thành phẩm, bất động sản đầu tư, dịch vụ. Trường hợp không cần thiết doanh nghiệp có thể gộp 3 cột này thành 1 cột để ghi doanh thu bán hàng chung.

Cuối trang sổ, cộng số lũy kế để chuyển sang trang sau. Đầu trang sổ, ghi số cộng trang trước chuyển sang.

Do cột 2, 3, 4 được mở theo yêu cầu của doanh nghiệp nên tùy vào đặc điểm hay yêu cầu của doanh nghiệp để ghi doanh thu theo từng loại nghiệp vụ. Vì vậy, tại Công ty mẫu sổ Nhật ký bán hàng có thể bỏ cột 3: Thành phẩm, bởi Công ty không có nghiệp vụ bán thành phẩm; cột 2: Hàng hoá có thể chia nhỏ thành 3 cột gồm: Cột 2.1: Hàng hoá sơn, Cột 2.2: Hàng hoá đồ điện, Cột 2.3: Hàng hoá khác.

• *Ví dụ minh họa*

Ngày 10/10/2010, bán sơn cho công ty xây dựng Hoàng Hà. Giá bán đã có thuế GTGT 10% là 140.282.450 VNĐ, chưa thu tiền của khách hàng.

Do vào ngày 05/10/2010, công ty XD Hoàng Hà đã ứng trước cho công ty

số tiền 25.000.000VNĐ, nên số tiền còn phải thu của công ty XD Hoàng Hà là:

$$140.282.450 - 25.000.000 = 115.282.450 \text{ (VNĐ)}$$

Căn cứ vào hoá đơn GTGT bán hàng số **0052335**, kế toán bán hàng tiến hành định khoản để ghi vào sổ Nhật ký bán hàng (Biểu 3.2) song song với việc ghi vào sổ Nhật ký chung và các sổ kế toán liên quan.

(Biểu 3.2 - Trang bên)

Biểu 3.2: Nhật ký bán hàng

Đơn vị: CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN

Địa chỉ: Tổ 6, Khu 9, phường Bãi Cháy, Hạ Long, QN

Mẫu số S03a4 – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG

Năm: 2010

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Phải thu từ người mua (Ghi Nợ)	Ghi Có TK doanh thu			Dịch vụ
	Số hiệu	Ngày tháng			Hàng hoá			
					Son	Đồ điện	Khác	
A	B	C	D	1	2.1	2.2	2.3	4
			Số trang trước chuyển sang
...
10/10	0052335	10/10	Bán sơn cho công ty XD Hoàng Hà	115.282.450	115.282.450			
...
			Cộng chuyển sang trang sau

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày... tháng... năm...
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

3.2.2.3 Tin học hoá công tác kế toán

Tại công ty TNHH Ngọc Tiến công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel để tính lương cho nhân viên, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ. Mà công việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, đội ngũ kế toán cần được bồi dưỡng thêm để khai thác hết những lợi ích, tính năng ưu việt mà chương trình Excel mang lại cho phù hợp với yêu cầu thực tế của công ty.

Ngoài ra, công ty có thể tham khảo một số phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- + Phần mềm kế toán MISA của công ty cổ phần MISA
- + Phần mềm kế toán SAS INNOVA
- + Phần mềm MEGA DATA

Khi sử dụng những phần mềm này kế toán công ty tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ, bảo quản cũng được thuận lợi và an toàn hơn, dẫn đến thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

3.2.2.4 Về phương thức tiêu thụ hàng hoá (kiến nghị khác)

Tại công ty hàng hoá đều được nhập kho trước khi bán tức là trước khi đem bán phải thông qua kho. Hơn nữa hàng hoá của công ty là Sơn, thiết bị điện là sản phẩm có thời gian sử dụng tương đối lâu, không khát khe trong bảo quản, chính vì đặc tính đó mà việc bán hàng qua kho một mặt giúp theo dõi, kiểm tra sản phẩm thuận tiện và tránh sự thiếu hụt khi kiểm kê nhưng đồng thời cũng gây cản trở phần nào đến tốc độ tiêu thụ, làm bỏ lỡ nhiều cơ hội đưa sản phẩm tới khách hàng. Bởi vậy công ty nên bổ sung các phương thức tiêu thụ sau:

- Phương thức xuất bán thẳng không qua kho: số lượng hàng hoá đã giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ.

- Phương thức bán hàng trả góp: Khi giao hàng cho người mua thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả chậm dần trong một thời gian nhất định.

KẾT LUẬN

Qua hai phần lý luận và thực tiễn cho thấy tổ chức hợp lý quá trình hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì giúp doanh nghiệp quản lý tốt hơn hoạt động tiêu thụ của mình, đảm bảo lấy thu bù chi và có lãi, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của người lao động.

Trong quá trình thực tập tại phòng toán Công ty TNHH Ngọc Tiến, em đã tìm hiểu về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Qua đó cho thấy công ty đã phát huy được những mặt mạnh song bên cạnh đó cũng có một số vấn đề tồn tại cần khắc phục. Để khắc phục những vấn đề đó, em đã đưa ra một số ý kiến góp ý để hoàn thiện hơn phần kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Mặc dù với sự cố gắng nỗ lực của bản thân, nhưng sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế và thời gian nghiên cứu có hạn nên nội dung của khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Tiến sĩ Giang Thị Xuyên, cảm ơn các anh chị trong phòng kế toán của công ty TNHH Ngọc Tiến, cùng toàn thể các thầy cô trong Khoa Quản trị kinh doanh và nhà trường đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Lê Thị Trang

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	3
1.1.1 Khái quát về doanh thu	3
1.1.1.1 Khái niệm, phân loại doanh thu	3
1.1.1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu và nguyên tắc hạch toán doanh thu	3
1.1.1.3 Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp	5
1.1.2 Khái quát về chi phí	6
1.1.2.1 Khái niệm, phân loại chi phí	6
1.1.2.2 Nguyên tắc hạch toán chi phí.....	7
1.1.3 Xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.1.4 Ý nghĩa và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	8
1.1.4.1 Ý nghĩa của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..	8
1.1.4.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	9
1.2 KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	10
1.2.1 Kế toán doanh thu, thu nhập trong doanh nghiệp	10
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	10
1.2.1.2 Doanh thu hoạt động tài chính	14
1.2.1.3 Thu nhập khác	15
1.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu trong các doanh nghiệp.....	16
1.2.3 Kế toán chi phí kinh doanh trong doanh nghiệp.....	18
1.2.3.1 Giá vốn hàng bán.....	18
1.2.3.2 Kế toán chi phí bán hàng.....	22
1.2.3.3 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	22

1.2.3.4 Chi phí tài chính	25
1.2.3.5 Chi phí khác	26
1.2.3.6 Chi phí thuế TNDN:.....	26
1.2.4 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	27
1.3 HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	29
1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	29
1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	30
1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	31
1.3.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ	32
1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	33
Chương 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN	35
2.1 TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN	35
2.1.1 Quá trình hình thành, phát triển của Công ty TNHH Ngọc Tiên.....	35
2.1.2 Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Ngọc Tiên	38
2.1.3 Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH Ngọc Tiên.	40
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Ngọc Tiên.....	40
2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Ngọc Tiên	41
2.2 THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN.....	43
2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng.....	43
2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.....	59
2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng.....	63
2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	66
2.2.5 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....	70
2.2.6 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác	76
2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	82

Chương 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN	87
3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGỌC TIẾN	87
3.1.1 Đánh giá chung.....	87
3.1.2 Ưu điểm.....	88
3.1.2.1 Hình thức kế toán áp dụng	88
3.1.2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán	88
3.1.2.3 Hệ thống chứng từ kế toán	88
3.1.2.4 Công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	88
3.1.3 Hạn chế.....	89
3.1.3.1 Việc luân chuyên, kiểm tra chứng từ	89
3.1.3.2 Về tổ chức hệ thống sổ kế toán	89
3.1.3.3 Về phương thức hạch toán kế toán.....	89
3.1.3.4 Về phương thức tiêu thụ hàng hoá (hạn chế khác)	90
3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	90
3.2.1 Sự cần thiết và nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán	90
3.2.2 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả tại Công ty TNHH Ngọc Tiến.....	91
3.2.2.1 Về việc luân chuyên chứng từ.....	91
3.2.2.2 Về tổ chức hệ thống sổ kế toán	92
3.2.2.3 Tin học hoá công tác kế toán.....	96
3.2.2.4 Về phương thức tiêu thụ hàng hoá (kiến nghị khác).....	96
KẾT LUẬN	97